

Số: 1041/QĐ-HVCSPT

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành mô tả chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kinh tế số

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định 918/QĐ-BKHĐT ngày 19/05/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐHVCSPT ngày 02/11/2021 của Hội đồng Học viện Chính sách và Phát triển về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Quyết định số 1021/QĐ-HVCSPT ngày 25/08/2023 của Giám đốc Học viện Chính sách và phát triển về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kinh tế số;

Căn cứ đề xuất của Khoa Kinh tế số và Biên bản thông qua các chương trình đào tạo cập nhật năm 2023 của Hội đồng khoa học và đào tạo Học viện.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Quản lý Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này mô tả chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kinh tế số, áp dụng từ Khóa 14 tuyển sinh năm 2023. (có mô tả chương trình đào tạo chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Phòng Quản lý Đào tạo, Trưởng khoa Kinh tế số, Người đứng đầu các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ban Giám đốc Học viện (để chỉ đạo t/h);
- Các đơn vị thuộc Học viện;
- Lưu: TC-HC, P.QLĐT (04 bản).

GIÁM ĐỐC

PGS,TS. Trần Trọng Nguyên

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
(Ban hành theo Quyết định số 1041/QĐ-HVCSPT ngày 29 tháng 08 năm 2023
của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:
 Tên tiếng Việt: Kinh tế số
 Tên tiếng Anh: Digital Economics
- Mã số ngành đào tạo: 7310112
- Tên chuyên ngành: **Phân tích dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh**
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian đào tạo: 3,5 – 4 năm
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
 Tên tiếng Việt: Cử nhân Kinh tế số
 Tên tiếng Anh: The Degree of Bachelor in Digital Economics
- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Khoa Kinh tế số

1.2. Mục tiêu đào tạo

1.2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân phân tích dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh có kiến thức cơ bản về kinh tế, kinh doanh và công nghệ thông tin; có kiến thức chuyên sâu về việc sử dụng công cụ phân tích dữ liệu để giải quyết các vấn đề trong kinh tế và kinh doanh, nắm bắt được xu hướng chuyển đổi số của các tổ chức và doanh nghiệp trong thời đại số; có tư duy nghiên cứu độc lập và kỹ năng làm việc nhóm; có năng lực tự học bổ sung kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn thích nghi với sự thay đổi của môi trường làm việc.

Chương trình đào tạo cũng góp phần nâng cao phẩm chất chính trị; đạo đức cá nhân và đạo đức nghề nghiệp; tinh thần vì cộng đồng xã hội; tuân thủ pháp luật và tinh thần học tập suốt đời cho học viên.

1.2.2. Mục tiêu cụ thể

Việc đào tạo cử nhân chuyên ngành Phân tích dữ liệu lớn trong Kinh tế và Kinh doanh tại Học viện Chính sách và Phát triển sẽ hướng đến các mục tiêu sau:

- G1: Đào tạo cho người học những kiến thức cơ bản về dữ liệu lớn, thống kê và quản lý kinh tế, nắm bắt được xu hướng chuyển đổi số của các tổ chức và doanh nghiệp trong thời đại số.

- G2: Đào tạo những kiến thức chuyên sâu về phân tích dữ liệu, bao gồm việc thu thập dữ liệu, xử lý dữ liệu, trực quan dữ liệu và sử dụng công cụ phân tích để tìm ra thông tin có ích từ dữ liệu, hỗ trợ cho việc ra quyết định.

- G3: Đào tạo cho người học có kỹ năng số thành thạo, đặc biệt là trong việc sử dụng và khai thác các công cụ phân tích dữ liệu như Excel, SQL, Python, PowerBI, các công cụ thống kê, khai phá dữ liệu, học máy và trí tuệ nhân tạo

- G4: Đào tạo nguồn nhân lực có kỹ năng nghiên cứu khoa học, kỹ năng quản lý thời gian và làm việc nhóm; kỹ năng hoạch định và đề xuất các giải pháp kinh doanh phù hợp cho tổ chức, doanh nghiệp khi thực hiện chuyển đổi số.

- G5: Đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết của một nhà kinh tế có bản lĩnh nghề nghiệp và thái độ trung thực, có trách nhiệm trong công việc và tinh thần làm việc vì sự phát triển của nhân loại.

1.2.3. Trình độ ngoại ngữ và tin học

+ Đạt trình độ về ngoại ngữ: Theo chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển. Sử dụng tốt tiếng Anh với những kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong nghiên cứu, giao tiếp và soạn thảo báo cáo phân tích.

+ Đạt trình độ tin học: Chứng chỉ tin học quốc tế IC3 (Internet and Computing Core Certification) hoặc MOS (Microsoft Office Specialist), đây là những chuẩn quốc tế về sử dụng máy tính và tin học văn phòng do tổ chức Certiport của Mỹ cấp.

1.2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

+ Có đủ điều kiện và khả năng tự nghiên cứu, phát triển trình độ kiến thức và tham gia đào tạo ở bậc sau đại học trong và ngoài nước.

+ Bảo đảm việc liên thông khối kiến thức ngành Kinh tế hoặc Ngành Khoa học dữ liệu với các cơ sở đào tạo khác ở Việt Nam và quốc tế.

+ Độc lập thực hiện các công trình nghiên cứu khoa học, sản phẩm liên quan đến phân tích dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh.

1.3. Vị trí nơi làm việc sau khi tốt nghiệp

Cử nhân Ngành Kinh tế số - chuyên ngành Phân tích dữ liệu lớn trong Kinh tế và Kinh doanh sau khi ra trường có thể hoàn toàn tự tin làm việc được trong cả khu vực Nhà nước và khu vực kinh tế tư nhân tại các vị trí như:

Tổ chức/ Doanh nghiệp	Vị trí việc làm	Mô tả công việc
Các cơ quan Nhà nước thuộc Bộ, Ban, Ngành từ Trung ương tới Địa phương	- <i>Khi mới tốt nghiệp:</i> + Nhân viên thống kê, thu thập dữ liệu cho cơ quan, tổ chức. + Nhân viên truy vấn dữ liệu, tổng hợp và phân tích dữ liệu + Nhân viên quản lý các Hệ quản	+ Chịu trách nhiệm thu thập dữ liệu, mô tả dữ liệu, phát triển các công cụ thống kê để suy luận và thực hiện việc kiểm chứng các giả thuyết theo yêu cầu của công việc. + Kết hợp giữa các kỹ năng phân tích dữ

	<p>trị dữ liệu của tổ chức</p> <p>- <i>Khi có 10 năm kinh nghiệm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Kỹ sư dữ liệu (Data Engineer) + Chuyên gia Phân tích dữ liệu (Data Analyst) 	<p>liệu và nghệ thuật truyền thông để biến những con số và thông tin khô khan trở thành câu chuyện hấp dẫn và dễ hiểu (trực quan hóa dữ liệu trên các công cụ như Tableau, PowerBI...).</p> <ul style="list-style-type: none"> + Quản lý, vận hành một cách trơn tru các hệ thống quản lý dữ liệu của cơ quan, tổ chức như Oracle, MySQL, SQL Server,... + Thực hiện các phân tích chuyên sâu và trình bày dữ liệu để hỗ trợ lãnh đạo đơn vị ra quyết định quan trọng. + Xây dựng hệ thống lưu trữ, quản lý dữ liệu, tối ưu hóa hiệu suất và đảm bảo tính toàn vẹn của dữ liệu.
<p>Các loại hình doanh nghiệp như Công ty cổ phần, Ngân hàng, Tập đoàn kinh tế, Công ty chứng khoán, Công ty công nghệ, Công ty kinh doanh thương mại,...</p>	<p>- <i>Khi mới tốt nghiệp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Chuyên viên phân tích dữ liệu kinh doanh của doanh nghiệp + Chuyên viên lập trình Python, lập trình R + Chuyên viên quản trị cơ sở dữ liệu <p>- <i>Khi có 10 năm kinh nghiệm</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Chuyên gia quản lý dữ liệu lớn (Big Data Manager) + Kỹ sư Học máy (Machine Learning Engineer) + Giám đốc dữ liệu (Chief Data Officers-CDO) 	<ul style="list-style-type: none"> + Sử dụng các công cụ như Data Mining, Tableau, PowerBI, Python, R để triển khai phân tích các dữ liệu kinh doanh của doanh nghiệp theo yêu cầu của cấp trên. + Xây dựng hệ thống báo cáo quản trị, báo cáo kinh doanh, truy xuất dữ liệu để tối ưu hóa hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Sau đó sử dụng các dữ liệu đó để xác định xu hướng và tạo mô hình dự đoán những gì có thể xảy ra trong tương lai đối với sản phẩm, dịch vụ của công ty. + Tham gia xây dựng các chiến dịch kinh doanh của doanh nghiệp, đo lường hiệu quả các chiến dịch kinh doanh bằng báo cáo phân tích. + Chịu trách nhiệm quản lý, xử lý và phân tích dữ liệu lớn để hỗ trợ cho việc ra quyết định của doanh nghiệp. + Xây dựng thiết kế các kiến trúc tích hợp dữ liệu, phân tích dữ liệu cũng như các cấu phần trong nền tảng datalake, data warehouse + Xây dựng, phát triển các mô hình dữ liệu để có thể đáp ứng yêu cầu kinh doanh của doanh nghiệp. + Tư vấn các giải pháp về dữ liệu, báo

		cáo, phân tích cho các phòng ban nghiệp vụ hoặc dự án CNTT trong doanh nghiệp. + Tư vấn kiến trúc và tích hợp dữ liệu cho quá trình vận hành doanh nghiệp một cách hiệu quả.
Trường Đại học/Viện nghiên cứu	Giảng viên, Nghiên cứu viên, Nhà Khoa học dữ liệu (Data Scientist)	+ Nghiên cứu giảng dạy các môn học về quản trị dữ liệu, lập trình phân tích dữ liệu, Khai phá dữ liệu và Học máy (Machine learning),... + Nghiên cứu, phát triển mô hình dự đoán và thực hiện các dự án khoa học dữ liệu sử dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI)
Hoạt động tự doanh và khởi nghiệp kinh doanh	Giám đốc/Chủ tịch công ty /Thành viên sáng lập/Chủ trung tâm đào tạo về dữ liệu,...	+ Thực hiện các dịch vụ liên quan đến dữ liệu + Triển khai các khóa học ngắn hạn liên quan đến khai thác và phân tích dữ liệu trong kinh tế và kinh doanh + Nghiên cứu lộ trình triển khai chuyển đổi số phù hợp với bối cảnh doanh nghiệp

1.4. Thông tin tuyển sinh

❖ Đối tượng tuyển sinh:

Thí sinh có đủ các điều kiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định tuyển sinh của Học viện Chính sách và Phát triển.

❖ Phương thức tuyển sinh:

Theo Đề án tuyển sinh hàng năm của Học viện.

1.4. Điều kiện nhập học

Thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Học viện.

PHẦN 2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

A. Chuẩn đầu ra về kiến thức

A.1. Chuẩn đầu ra chung của Học viện

[1]. Nắm vững những kiến thức cơ bản, nền tảng về thế giới quan và phương pháp luận khoa học. Hiểu, phân tích, đánh giá và ứng dụng tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác – Lê nin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

[2]. Hiểu về thể chế Nhà nước; quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc tổ chức thực hiện chính sách kinh tế xã hội.

[3]. Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu.

[4]. Hiểu các quy luật của kinh tế thị trường, vận dụng lý thuyết kinh tế vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.

A.2. Chuẩn đầu ra chung của ngành Kinh tế số

[5]. Có sự am hiểu về dữ liệu và quản trị dữ liệu trong các tổ chức và doanh nghiệp. Thành thạo một số công cụ BI cho phân tích trực quan hóa dữ liệu của các tổ chức và doanh nghiệp.

[6]. Có sự hiểu biết về các nghiệp vụ liên quan đến kinh tế và kinh doanh trong môi trường toàn cầu hóa và các nền tảng công nghệ hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh trong bối cảnh của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0;

A.3. Chuẩn đầu ra riêng của chuyên ngành

[7]. Biết vận dụng các phương pháp thống kê, các mô hình học máy và sử dụng các công cụ phân tích dữ liệu để tạo ra thông tin có ích từ dữ liệu.

[8]. Sử dụng thành thạo các công cụ phân tích dữ liệu phổ biến như Python, SQL và các phần mềm Excel, Power BI hoặc Tableau để thiết lập các báo cáo nhằm hỗ trợ ra quyết định kinh doanh.

[9]. Hiểu rõ về các mô hình kinh doanh số, hệ sinh thái kinh tế số để tư vấn, triển khai chuyển đổi số nhằm tối ưu hóa các hoạt động của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

B. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

B.1. Kỹ năng nghề nghiệp

[10]. Có tư duy linh hoạt và sáng tạo trong các giải pháp để xây dựng, tổ chức, tư vấn thực hiện chiến lược, kế hoạch kinh doanh của tổ chức và doanh nghiệp;

[11]. Có kỹ năng số thành thạo và có khả năng khai thác hiệu quả các phần mềm trí tuệ nhân tạo, các công cụ truyền thông và mạng xã hội.

B.2. Kỹ năng mềm

[12]. Có khả năng sử dụng tiếng Anh để truyền đạt được thông tin và giải quyết vấn đề ở môi trường trong nước và quốc tế.

[13]. Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình trước đám đông để tổ chức và điều hành công việc.

C. Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và trách nhiệm

[14]. Có phẩm chất chính trị; sức khỏe tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp.

[15]. Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Chủ động và tự giác thực thi nhiệm vụ được giao phó; tinh thần tự chịu trách nhiệm; trung thực; thái độ hợp tác; sẵn sàng giúp đỡ các thành viên trong tập thể, đơn vị.

[16]. Có năng lực dẫn dắt chuyên môn, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao; có khả năng đưa ra được kết luận về lĩnh vực kinh tế kinh doanh số ở mức độ căn bản và một số vấn đề mức độ chuyên sâu; đủ năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo của một tổ chức.

PHẦN 3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: *130 tín chỉ*

Nội dung	Khối lượng kiến thức (tín chỉ)	Số học phần	Tỷ lệ (%)
1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG (không bao gồm GDTC&QP)	41	15	31.5%
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	89	31	68.5%
2.1. Kiến thức cơ sở ngành	29	10	22.3%
2.1.1. Cơ sở ngành bắt buộc	20	7	15.4%
2.1.2. Cơ sở ngành tự chọn	9	3	6.9%
2.2. Kiến thức ngành	26	9	20.0%
2.2.1. Ngành bắt buộc	17	6	13.1%
2.2.2. Ngành tự chọn	9	3	6.9%
2.3. Kiến thức chuyên ngành	24	8-9	18.5%
2.3.1. Chuyên ngành bắt buộc	15	5	11.5%
2.3.2. Chuyên ngành tự chọn	9	3-4	6.9%
2.4. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	10	2	7.7%
TỔNG SỐ TÍN CHỈ (Không bao gồm GDTC & GDQP)	130	46	100%

3.2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Số Tín chỉ	Học kì giảng dạy
1. Giáo dục đại cương			41	
1	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	4
2	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2	2
3	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3	1
4	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3	2
5	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	3
6	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	2

7	LUĐC01	Pháp luật đại cương	3	1
8	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	2
9	TACB01	<i>Tiếng Anh cơ bản 1*</i>	3	1
10	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2	3	2
11	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3
12	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	3	4
13	TOĐC06	Tin học đại cương	3	1
14	TOCC05	Toán cao cấp	3	1
15	THML04	Triết học Mác - Lênin	3	1
16	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1
17	QTKN01	<i>Phát triển kỹ năng*</i>	3	3
2. Giáo dục quốc phòng			8	
1	GDQP02	<i>Giáo dục quốc phòng *</i>	8	2
3. Giáo dục thể chất			6	
1	GDTC08	<i>Giáo dục thể chất 1 *</i>	2	1
2	GDTC06	<i>Giáo dục thể chất 2 *</i>	2	2
3	GDTC07	<i>Giáo dục thể chất 3 *</i>	2	3
4. Cơ sở ngành (Bắt buộc)			20	
1	KTKD01	Lập trình căn bản	3	3
2	QTMC02	Marketing căn bản	3	3
3	TOKT05	Kinh tế lượng	3	3
4	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	3	4
5	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	3	3
6	KTKD03	Lý thuyết Kinh tế số	2	4
7	CSCS11	Chính sách công	3	3
5. Cơ sở ngành (Lựa chọn 3 học phần)			9	
1	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	4
2	KHĐT05	Kinh tế đầu tư	3	5
3	PTDL02	Cơ sở của khoa học dữ liệu	3	5
4	QTHO06	Quản trị học	3	4
5	ĐNQT09	Kinh tế quốc tế	3	4
6	ĐNTM08	Thương mại quốc tế	3	5
7	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3	3
6. Kiến thức Ngành (Bắt buộc)			17	

1	TCDN03	Tài chính doanh nghiệp	3	5
2	PTDL04	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3	4
3	QTMA09	Quản trị Marketing	3	6
4	QTKD14	Thương mại điện tử	3	5
5	LUKT01	Pháp luật kinh tế	3	4
6	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2	6
7. Kiến thức Ngành (Lựa chọn 9 tín chỉ theo khối môn)			9	
1	TCKK25	Thị trường chứng khoán	3	5
2	ĐTKT02	Phân tích kỹ thuật trong đầu tư	3	6
3	QTKS07	Khởi nghiệp Đổi mới sáng tạo	3	7
4	TCTO11	Toán tài chính	3	5
5	PTDL07	Phân tích thống kê nhiều chiều	3	6
6	PTDL06	Phân tích chuỗi thời gian trong tài chính	3	7
7	TCKH04	Kế toán tài chính	3	5
8	TCPT08	Phân tích báo cáo tài chính	3	6
8. Chuyên ngành (Bắt buộc)			15	
1	PTDL05	Lập trình phân tích dữ liệu với Python	3	4
2	PTDL20	Phân tích dữ liệu Marketing	3	7
3	PTDL12	Phân tích dữ liệu lớn với PowerBI	3	7
4	PTDL08	Quản trị dữ liệu lớn	3	6
5	PTDL09	Khai phá dữ liệu cho phân tích kinh doanh	3	6
9. Chuyên ngành (Lựa chọn 3-4 môn theo khối)			9	
1	PTDL03	Logic Toán	2	5
2	KTKD12	Truyền thông đa phương tiện	2	6
3	KTKD11	Khoa học quản lý	2	7
4	QTDM01	Marketing số	3	6
5	TCCN01	Công nghệ tài chính	3	7
6	KTKD06	Các mô hình kinh doanh số	3	7
7	ĐTRR06	Quản trị rủi ro	3	6
8	KTKD05	Chuyển đổi số	3	7
9	KHPD13	Phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô	3	6
10	PTDL10	Học máy và trí tuệ nhân tạo	3	7
11	PTDL14	Blockchain trong quản lý	2	7
10. Thực tập và Khoá luận tốt nghiệp			10	

1	KLTN01	Khóa luận tốt nghiệp	6	8
	KLTN02	Phân tích dữ liệu lớn nâng cao	3	8
	KLTN03	Quản trị dữ liệu lớn nâng cao	3	8
2	TTTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4	8
TỔNG			130	

Ghi chú: (*) Học phần không tính điểm, không tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo

3.3. Mô tả tóm tắt các học phần

STT	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG (không bao gồm GDTC &QP)				41	
1	THML04	Triết học Mác-Lênin	Sinh viên cần nắm được kiến thức về chủ nghĩa duy vật biện chứng; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức; quy luật vận động, phát triển.	3	
2	THKT05	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Sinh viên cần nắm được kiến thức về bản chất hàng hóa, quy luật kinh tế hàng hóa; hàng hóa sức lao động, giá trị thặng dư; xu thế kinh tế chính trị hiện đại.	2	
3	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Sinh viên cần nắm được kiến thức về lịch sử, nội dung lý luận của Hồ Chí Minh về những vấn đề của cách mạng Việt Nam	2	
4	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Sinh viên cần nắm được những căn cứ lý luận khoa học để hiểu Cương lĩnh xây dựng đất nước, đường lối chính sách xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội – con đường mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.	2	
5	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Sinh viên cần nắm được kiến thức về lịch sử, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; đường lối xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ hiện nay	2	
6	PPNC09	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Sinh viên cần nắm được kiến thức về kỹ năng nhận dạng, xây dựng, phát triển, thiết kế khung nghiên cứu để giải quyết vấn đề khoa học	3	
7	THLG01	Pháp luật đại cương	Sinh viên cần nắm được kiến thức về các nguyên lý cơ bản về pháp luật, các bộ luật cơ bản, các thể thức văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam	3	
8	TOĐC06	Tin học đại cương	Sinh viên cần nắm được kiến thức về sử dụng máy tính cơ bản, mạng Internet và đặc biệt là kiến thức tin học văn phòng gồm Word, Excel, PowerPoint	3	

9	NNCS01	Tiếng Anh cơ bản 1	Sinh viên cần nắm được kiến thức về các thời thể ngữ pháp tiếng Anh đơn giản; từ vựng hàng ngày; kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết đối với người mới học	3	<i>Không tính điểm</i>
10	NNCS02	Tiếng Anh cơ bản 2	Sinh viên cần nắm được kiến thức về các thời thể ngữ pháp tiếng Anh cơ bản; từ vựng hàng ngày; kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở trình độ bậc A1	3	
11	NNCS03	Tiếng Anh cơ bản 3	Sinh viên cần nắm được kiến thức về các thời thể ngữ pháp tiếng Anh cơ bản và phát triển viết đoạn văn hoàn chỉnh; từ vựng hàng ngày và thực hành hội thoại; cấu trúc bài thi TOEIC, kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết.	3	
12	NNCS04	Tiếng Anh cơ bản 4	Sinh viên cần nắm được kiến thức về các thời thể ngữ pháp tiếng Anh cơ bản và phát triển viết đoạn văn hoàn chỉnh; từ vựng hàng ngày và thực hành hội thoại; cấu trúc bài thi TOEIC, kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết.	3	
13	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	Sinh viên cần nắm được kiến thức về nguyên lý kinh tế cơ bản; thị trường, quan hệ cung cầu, hành vi tiêu dùng	3	
14	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	Sinh viên cần nắm được kiến thức về các mô hình kinh tế vĩ mô cơ bản; hạch toán thu nhập quốc dân; nguyên lý ban đầu của các chính sách kinh tế vĩ mô	3	
15	TOCC01	Toán cao cấp	Sinh viên cần nắm được các phương pháp toán ứng dụng trong phân tích kinh tế như mô hình tuyến tính, ma trận, định thức. Ngoài ra, sinh viên cần nắm được các kiến thức nâng cao đạo hàm, vi phân, tích phân, cực trị hàm số và ứng dụng.	3	
16	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Sinh viên cần nắm được kiến thức cơ bản về biến cố ngẫu nhiên và các công thức tính xác suất. Hiểu các thu thập số liệu mẫu, tính toán các tham số mẫu để từ đó giải quyết được các bài toán ước lượng và kiểm định.	3	
17	QTKN01	<i>Phát triển kỹ năng</i>	Sinh viên có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình trước đám đông để tổ chức và điều hành công việc		<i>Không tính điểm</i>
17	GDQP02	<i>Giáo dục quốc phòng</i>	Cung cấp kiến thức về an ninh, quốc phòng và bảo vệ tổ quốc cho sinh viên.	8	
18	GDTC01	<i>Giáo dục thể chất 1</i>	Rèn luyện sức khỏe và thể chất cho sinh viên	2	
19	GDTC02	<i>Giáo dục thể chất 2</i>	Rèn luyện sức khỏe và thể chất cho sinh viên	2	

20	GDTC03	Giáo dục thể chất 3	Rèn luyện sức khỏe và thể chất cho sinh viên	2	
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP				89	
2.1. Kiến thức cơ sở ngành				29	
2.1.1. Cơ sở ngành bắt buộc				23	
21	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	Sinh viên cần nắm được kiến thức về chính sách tài khóa; chính sách tiền tệ của mỗi quốc gia cũng như những khái niệm mở đầu về quản lý tài chính của doanh nghiệp.	3	
22	QTMC02	Marketing căn bản	Người học sẽ nắm được những kiến thức Marketing, quan điểm về Marketing, các loại môi trường marketing, đặc điểm để phân biệt các loại môi trường, oại hình hành vi mua hàng của người tiêu dùng, các loại sản phẩm và chu kỳ sống của sản phẩm,...	3	
23	KTKD01	Lập trình căn bản	Sinh viên cần nắm được kiến thức cơ bản về lập trình như thuật toán, chương trình, ngôn ngữ lập trình, cấu trúc điều khiển rẽ nhánh, cấu trúc lặp, hàm, dữ liệu có cấu trúc... Từ đó có thể vận dụng tự lập trình được những chương trình cơ bản hay xây dựng những ứng dụng đơn giản bằng ngôn ngữ lập trình Python.	3	
24	PTDL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	Sinh viên cần nắm được kiến thức cơ bản về dữ liệu lớn, đặc trưng của dữ liệu lớn, cách thức lưu trữ và xử lý dữ liệu lớn bởi các công cụ như Hadoop, Spark; biết cách trực quan hóa và phân tích dữ liệu với Tableau và Excel.	3	
25	TOKT05	Kinh tế lượng	Sinh viên cần nắm được cách xây dựng mô hình kinh tế lượng từ hàm hồi quy đơn, hồi quy bội, đồng thời phát hiện các khuyết tật trong mô hình như đa cộng tuyến, phương sai của sai số thay đổi,...	3	
26	KTKD03	Lý thuyết Kinh tế số	Học phần này sẽ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kinh tế số, nền kinh tế số, cách thức đo lường kinh tế số cũng như cách thức để quản lý, phát triển nền kinh tế số của mỗi quốc gia.	3	
27	CSCS11	Chính sách công	Sinh viên cần nắm được kiến thức về công cụ chính sách; hoạch định và thực thi chính sách công.		
2.1.2. Cơ sở ngành tự chọn				6	
28	TCKT01	Nguyên lý kế toán	Sinh viên cần nắm được kiến thức về lý thuyết hạch toán kế toán; cân đối kế toán; các phương pháp: tài khoản, tính giá, chứng từ kế toán,...	3	

29	KHDT05	Kinh tế đầu tư	Sinh viên cần nắm được các kiến thức cơ bản, chuyên ngành về kinh tế và quản lý hoạt động đầu tư phát triển trên phạm vi vĩ mô.	3	
30	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế	Sinh viên cần nắm được các kiến thức và kỹ năng thống kê và phân tích thống kê các chỉ tiêu kinh tế xã hội	3	
31	ĐNTM08	Thương mại quốc tế	Học phần giới thiệu tổng quan những vấn đề chung nhất về hoạt động thương mại quốc tế như các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động thương mại quốc tế. Tiếp đến học phần đi sâu giới thiệu các lý thuyết thương mại quốc tế cổ điển và hiện đại, chính sách thương mại quốc tế và các công cụ của chính sách thương mại quốc tế được các quốc gia sử dụng để điều tiết hoạt động thương mại quốc tế.	3	
32	PTDL02	Cơ sở của khoa học dữ liệu	Sinh viên cần nắm được những kiến thức tổng quan và quy trình của ngành khoa học dữ liệu; các kiến thức về thống kê ứng dụng, các mô hình thống kê, học máy trong phân tích dữ liệu. Bên cạnh đó, sinh viên cần đạt được kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu với Excel và Python	3	
33	QTKD13	Quản trị học	Sinh viên cần nắm được các kiến thức và kỹ năng cần thiết để sau khi tốt nghiệp họ có thể thực hiện các hoạt động quản trị trong doanh nghiệp.	3	
34	ĐNQTO9	Kinh tế quốc tế	Sinh viên cần nắm được quá trình hình thành, phát triển và những đặc điểm mới của nền kinh tế thế giới, nội dung và tính chất của các quan hệ kinh tế quốc tế; dòng vận động của các luồng hàng hóa và dịch vụ giữa một quốc gia với các quốc gia và vùng lãnh thổ khác trong nền kinh tế thế giới.	3	
2.2. Kiến thức ngành				26	
2.2.1. Ngành bắt buộc				17	
35	QTKD14	Thương mại điện tử	Học phần trang bị những kiến thức căn bản và những ứng dụng thực tiễn của thương mại điện tử trong doanh nghiệp bao gồm: những khái niệm cơ bản, những nguyên lý về thị trường điện tử và khách hàng, những mô hình kinh doanh thương mại điện tử phổ biến hiện nay, kết cấu hạ tầng của thương mại điện tử, những hoạt động như thanh toán điện tử, dịch vụ hỗ trợ, an toàn và bảo mật.	3	

36	LUKT02	Pháp luật kinh tế	Sinh viên cần nắm được những kiến thức cơ bản về pháp luật kinh tế của Việt Nam trong lĩnh vực đầu tư, đầu tư công, đấu thầu, ngân sách, doanh nghiệp.	3	
37	QTMA09	Quản trị Marketing	Học phần giới thiệu nội dung các công việc của chức năng quản trị marketing trong các doanh nghiệp/ tổ chức gắn với quá trình quản trị marketing với 3 giai đoạn chủ yếu là xây dựng kế hoạch và chiến lược marketing; tổ chức thực hiện; kiểm tra đánh giá và điều chỉnh; quản trị các chính sách và biện pháp marketing cụ thể trong một chương trình Marketing tổng thể.	3	
38	TOHQ12	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	Sinh viên cần nắm được kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu, mô hình dữ liệu quan hệ, ngôn ngữ truy vấn dữ liệu SQL... Đặc biệt, sinh viên sẽ biết sử dụng thành thạo hệ quản trị cơ sở dữ liệu Access và biết vận dụng kiến thức để có thể thiết kế cơ sở dữ liệu sử dụng cho một bài toán kinh tế.	3	
39	TCDN03	Tài chính doanh nghiệp	Sinh viên cần nắm được kiến thức về doanh thu, lợi nhuận, chi phí, dòng tiền của doanh nghiệp; quản lý rủi ro tài chính doanh nghiệp	3	
40	QLCD01	Chuyên đề thực tế	Sinh viên cần biết các kỹ năng thực tế về quản trị, thu thập và phân tích dữ liệu phục vụ cho quản lý kinh tế hoặc phát triển kinh doanh	2	
2.2.2. Ngành tự chọn				9	
41	TCKH04	Kế toán tài chính	Sinh viên cần nắm được các kiến thức và kỹ năng cơ bản trong kế toán chuyên sâu của một doanh nghiệp.	3	
42	TCNH25	Thị trường chứng khoán	Sinh viên cần nắm được kiến thức về thị trường chứng khoán phi tập trung; nghiệp vụ thị trường chứng khoán; phân tích chứng khoán	3	
43	ĐTKT02	Phân tích kỹ thuật trong đầu tư	Cung cấp cho sinh viên phương pháp xác định xu hướng biến động giá của các tài sản tài chính và hàng hóa thông qua phân tích các thống kê về giá và khối lượng giao dịch tài sản trong quá khứ. Phương pháp này được vận dụng rất phổ biến trong bởi các chuyên gia đầu tư trên các thị trường chứng khoán, hàng hóa và ngoại hối trên thế giới.		
44	PTDL07	Phân tích thống kê nhiều chiều	Sinh viên cần nắm được kiến thức chuyên sâu về phân tích dữ liệu và ứng dụng như: Phân tích phương sai, phân tích nhân tố với các mô hình cụ thể như phân tích thành phần chính, phân lớp	3	

			và phân tích khác biệt.		
45	QTKS07	Khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo	Sinh viên cần nắm được các kiến thức, kỹ năng cần thiết để người học bắt đầu một công việc kinh doanh mới. Qua đó, học viên có thể tự mình khởi sự một hoạt động kinh doanh cụ thể.	3	
46	TTC10	Toán tài chính	Sinh viên cần nắm được các kiến thức về lãi đơn, chiết khấu thương phiếu theo lãi đơn, tài khoản vãng lai,...	3	
47	TCPT08	Phân tích báo cáo tài chính	Sinh viên cần nắm được kiến thức và kỹ năng đọc hiểu và phân tích các chỉ tiêu chủ yếu về hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp thông qua bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh hay báo cáo lưu chuyển tiền tệ của doanh nghiệp.	3	
48	PTDL06	Phân tích chuỗi thời gian trong tài chính	Cung cấp các kiến thức lý thuyết nâng cao về phân tích chuỗi thời gian và các kỹ thuật cần thiết để phân tích thực nghiệm các chuỗi thời gian trong tài chính là AR, MA, ARIMA.	3	
2.3. Kiến thức chuyên ngành				24	
2.3.1. Chuyên ngành bắt buộc				18	
49	PTDL20	Phân tích dữ liệu Marketing	Học phần này sẽ cung cấp kiến thức và nguyên tắc nền tảng để lượng hóa và đo lường các hoạt động marketing của mỗi tổ chức hay doanh nghiệp, những định hướng lượng hóa hiệu quả hoạt động marketing thông qua việc: xây dựng hệ thống phân tích dữ liệu marketing; bài toán dự báo thị trường và doanh thu; phân tích hoạt động marketing thông qua công cụ phi tài chính và công cụ tài chính.	3	
50	PTDL09	Quản trị dữ liệu lớn	Sinh viên cần nắm được kiến thức chuyên sâu về quản trị dữ liệu, làm chủ Hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server và biết cách xây dựng kho dữ liệu (Data Warehouse) cho phân tích dữ liệu. Thêm vào đó, sinh viên cần nắm được kiến thức cơ bản về một số hệ quản trị CSDL NoSQL.	3	
51	PTDL05	Lập trình phân tích dữ liệu với Python	Sinh viên cần nắm được kiến thức chuyên sâu về phân tích dữ liệu với Python, đặc biệt là các thư viện quan trọng xử lý dữ liệu như numpy, pandas, và các thư viện để trực quan dữ liệu như matplotlib hay seaborn để có thể đáp ứng yêu cầu cho công việc thực tập hay làm việc về phân tích dữ liệu với Python	3	
52	PTDL12	Phân tích dữ liệu lớn với PowerBI	Sinh viên cần nắm được các khái niệm cơ bản, các kiến thức và kỹ năng phân tích dữ liệu lớn trong kinh doanh thông minh để có thể xây dựng	3	

			các báo cáo trực quan chuyên nghiệp dưới dạng các dashboard nhằm hỗ trợ cho việc ra quyết định dựa trên dữ liệu. Thêm vào đó, sinh viên cần đạt được kỹ năng thành thạo công cụ phân tích dữ liệu Microsoft Power BI.		
53	PTDL10	Khai phá dữ liệu cho phân tích kinh doanh	Sinh viên cần nắm được khai phá dữ liệu là gì, quy trình khai phá dữ liệu và có thể vận dụng để triển khai các bước trong quy trình từ việc chuẩn bị dữ liệu, phân tích khám phá dữ liệu, tiền xử lý dữ liệu, mô hình hoá dữ liệu và đánh giá mô hình. Thêm vào đó, sinh viên cần đánh giá được về các ứng dụng của khai phá dữ liệu cho phân tích kinh doanh.	3	
2.3.2. Chuyên ngành tự chọn				6	
54	KTKD09	Khoa học quản lý	Trang bị cho sinh viên những nguyên lý chung, những hiểu biết cơ bản về khoa học quản lý. Nắm được vai trò, chức năng quản lý, việc vận dụng quy luật trong quản lý, phương pháp, nguyên tắc quản lý một cách khoa học, kiến thức về cơ cấu tổ chức quản lý, thông tin quản lý, quyết định quản lý...	2	
55	KTKD10	Truyền thông đa phương tiện	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức tiếp cận quá trình giao tiếp giữa các đối tượng trong các môi trường đa phương tiện ứng dụng tích hợp âm thanh, hình ảnh, phim, ... Đồng thời cung cấp sinh viên những hiểu biết và triển khai các ứng dụng đa phương tiện trên nền Internet, phục vụ đa dạng công tác truyền thông cho đơn vị mình đang công tác.	2	
56	PTDL14	Blockchain trong quản lý	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về công nghệ blockchain trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0. Qua đó, người học sẽ hiểu được những tác động tích cực của công nghệ này đến các ngành kinh tế trên phạm vi toàn cầu và có thể áp dụng vào thực tiễn công việc sau khi ra trường	2	
57	KHPD14	Phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô	Sinh viên cần nắm được các phương pháp phân tích kinh tế, các mô hình dự báo trong kinh tế và kinh doanh, ứng dụng các mô hình phân tích và dự báo kinh tế và kinh doanh.	3	
58	KTKD05	Chuyển đổi số	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về sự cần thiết và quá trình chuyển đổi số, đặc biệt là chuyển đổi số trong doanh nghiệp. Học phần giúp người học hiểu được cách xây dựng năng lực chuyển đổi số; biết cách xây dựng chiến lược đầu tư, huy động	3	

			nguồn lực và duy trì động lực trong hành trình chuyển đổi số của doanh nghiệp.		
59	KTKD06	Các mô hình kinh doanh số	Mô hình kinh doanh đóng vai trò trung gian, nếu thiết kế tốt sẽ kết nối được hai lĩnh vực đầu vào kỹ thuật và đầu ra kinh tế, có tác động nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Học phần này sẽ giới thiệu cho sinh viên các mô hình kinh doanh trong thời đại số như B2B, B2C, C2C.	3	
60	PTDL03	Logic toán	Sinh viên những kiến thức cơ bản về Logic toán như tập hợp - quan hệ - ánh xạ; logic mệnh đề; logic vị từ và ngôn ngữ lập trình Prolog được sử dụng nhiều trong các ứng dụng của trí tuệ nhân tạo và ngôn ngữ học trong khoa học máy tính.	2	
61	QTDM01	Marketing số	Môn học Marketing số giới thiệu tầm quan trọng của Marketing trong thời đại số. Học phần tập trung vào phân tích hoạt động truyền thông Marketing với các công cụ truyền thông mới như: marketing qua công cụ tìm kiếm, marketing qua mạng xã hội, email marketing, mobile marketing...	3	
62	ĐTRR06	Quản trị rủi ro	Môn học này trình bày những nội dung cơ bản của quản trị rủi ro bao gồm: Nhận diện rủi ro; Phân loại và đo lường các loại rủi ro; Giám sát và phòng ngừa rủi ro, đặc biệt là rủi ro trong các định chế tài chính.	3	
63	PTDL11	Học máy và trí tuệ nhân tạo	Sinh viên cần hiểu khái niệm và kiến thức cơ bản của Học máy, Trí tuệ nhân tạo ứng dụng trong lĩnh vực Kinh tế, Kinh doanh. Thêm vào đó, sinh viên cần xây dựng được các mô hình học máy phân tích dữ liệu, đánh giá được hiệu quả và có khả năng cải thiện mô hình. Bên cạnh đó, sinh viên đạt được kỹ năng khai thác một số công cụ trí tuệ nhân tạo cho kinh doanh ở mức độ chuyên sâu.	3	
64	TCCN01	Công nghệ tài chính	Sinh viên sẽ tiếp cận được ứng dụng của công nghệ trong hoạt động tài chính như thanh toán điện tử (e-payments), hợp đồng thông minh (smart contract). Ngoài ra, sinh viên cần nắm được tiền mã hóa, phục vụ cho các hoạt động thanh toán hiện nay.	3	
2.4. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp				10	
65	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	Sinh viên cần biết vận dụng kiến thức đã học để có thể quản trị, thu thập và phân tích dữ liệu trong thực tế tại một doanh nghiệp hoặc tổ chức phục vụ cho quản lý kinh tế hoặc phát triển kinh	4	

			doanh		
66	KLTN01	Khóa luận tốt nghiệp	Vận dụng kiến thức đã học để viết một giải pháp hoàn chỉnh ứng dụng phân tích dữ liệu cho một bài toán trong kinh tế, kinh doanh có ý nghĩa thực tiễn; hoặc đưa ra giải pháp nâng cao hiệu quả cho các phương pháp phân tích dữ liệu đã sử dụng.	6	
67	KLTN02	Phân tích dữ liệu lớn nâng cao	Làm chủ trong việc sử dụng ngôn ngữ lập trình Python và công cụ PowerBI để phân tích dữ liệu, tạo ra các báo cáo hỗ trợ cho việc ra quyết định trong kinh tế và kinh doanh.	3	
68	KLTN03	Quản trị dữ liệu lớn nâng cao	Làm chủ trong việc quản trị dữ liệu với Hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server, sử dụng thành thạo ngôn ngữ SQL và xây dựng được kho dữ liệu DataWarehouse cơ bản phục vụ cho phân tích.	3	
TỔNG SỐ TÍN CHỈ (Không bao gồm GDTC & GDQP)				130	

3.4. Hoạt động hỗ trợ sinh viên

3.4.1. Hoạt động hỗ trợ của cố vấn học tập

- Tư vấn cho sinh viên về chương trình học tập: mục tiêu, nội dung và cách lựa chọn các học phần cho phù hợp;
- Tư vấn cho sinh viên đăng ký các học phần của từng học kỳ, điều chỉnh kế hoạch học cá nhân phù hợp với tiến độ mục tiêu (học đúng tiến độ, học nhanh hay chậm), tư vấn kế hoạch cụ thể của từng học kỳ cho phù hợp với yêu cầu của chuyên ngành đào tạo, vừa phù hợp với năng lực, sở thích, điều kiện sinh hoạt, hoàn cảnh kinh tế của sinh viên;
- Tư vấn cho sinh viên sử dụng các tính năng phần mềm quản lý đào tạo để đăng ký lịch học, hủy lịch, theo dõi kết quả học tập, thông tin cá nhân để có những đề xuất điều chỉnh cho phù hợp;
- Tư vấn và hướng dẫn cho sinh viên về phương pháp học tập và nghiên cứu khoa học, hướng dẫn, khuyến khích, tạo điều kiện cho sinh viên tham gia các hoạt động học tập và nghiên cứu khoa học, hướng dẫn sinh viên giải quyết những vướng mắc, khó khăn trong quá trình học tập;
- Thường xuyên theo dõi kết quả học tập của sinh viên; nhắc nhở sinh viên khi thấy kết quả học tập của họ giảm sút; phối hợp với Phòng Chính trị và Công tác sinh viên thông báo cho gia đình của sinh viên thuộc diện cảnh báo và buộc thôi học;
- Thảo luận và hướng dẫn sinh viên cách chọn để học thành công song song hai chương trình, học cải thiện, cách tính điểm học tập và rèn luyện;
- Kiểm tra, ký chấp nhận hoặc từ chối vào Đơn thay đổi, huỷ hoặc đăng ký học thêm, học cải thiện học phần của sinh viên;
- Kiểm tra, xác minh và ký xác nhận vào đơn xin thôi học, bảo lưu của sinh viên;

- Phối hợp và hỗ trợ các Khoa chuyên ngành, các phòng chức năng các tổ chức của Học viện trong việc tổ chức các phong trào, các hoạt động ngoại khóa và tham gia các hoạt động đoàn thể, hoạt động xã hội khác của sinh viên;
- Phối hợp với Khoa chuyên ngành, Ban cán sự lớp và các tổ chức Đoàn, Hội sinh viên để theo dõi đánh giá toàn diện về học tập và rèn luyện của sinh viên; nhận xét và tham gia cho điểm rèn luyện theo quy định về đánh giá, xếp loại sinh viên; xét khen thưởng, kỷ luật sinh viên...;
- Các công việc khác theo yêu cầu của Học viện và khoa chuyên ngành.

3.4.2. Các hoạt động ngoại khóa, phát triển kỹ năng mềm, định hướng nghề nghiệp

Khoa Kinh tế số luôn chú trọng tổ chức các chương trình định hướng nghề nghiệp cho sinh viên như: Tổ chức cho sinh viên tham gia các câu lạc bộ như: CLB công nghệ thông tin và truyền thông; CLB nhảy; CLB nhạc cụ; Tổ chức các chuyến đi thực tế tham quan mô hình hoạt động của các doanh nghiệp, tham gia kiến tập ở doanh nghiệp vào năm 2 và 3; Tổ chức cuộc thi Vô Địch tin học văn phòng thường niên, chương trình truyền thông đa phương tiện,... nhằm truyền cảm hứng và giúp sinh viên định hướng nghề nghiệp trong tương lai. Bên cạnh đó, Khoa rất chú trọng các hoạt động cọ sát thực tế với sinh viên ngành Kinh tế số, chẳng hạn tham gia các cuộc thi khởi nghiệp của các trường đại học trên địa bàn Hà Nội (Học viện Tài chính, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Đại học RMIT...), giao lưu trao đổi kinh nghiệm học tập và giảng dạy với các trường Đại học uy tín như Học viện Viettel, Đại học VinUni, Học viện Nông nghiệp Việt Nam... qua đó cũng góp phần quảng bá thương hiệu của Khoa nói riêng và Học viện Chính sách và Phát triển nói chung.

Ngoài các học bổng của Học viện như học bổng khuyến khích học tập, học bổng chính sách, học bổng KOCHARM, học bổng BIDV, Khoa còn chủ động thu hút nhiều học bổng nhằm giúp sinh viên theo đuổi định hướng nghề nghiệp chuyên sâu trong lĩnh vực kinh tế số, phát triển kỹ năng lập kế hoạch cho nghề nghiệp tương lai, tăng khả năng thích ứng nhanh với biến động của môi trường kinh tế và kinh doanh.

Đồng thời, Khoa Kinh tế số còn đẩy mạnh các buổi nói chuyện với chuyên gia cho các sinh viên khi học chuyên ngành nhằm bổ sung thêm các kiến thức, kinh nghiệm thực tế liên quan đến lĩnh vực kinh tế và kinh doanh số. Ví dụ như: Chuyên đề về phân tích dữ liệu kinh doanh, Marketing trên nền tảng số nhằm truyền thông thương hiệu doanh nghiệp nhanh và hiệu quả nhất, Chuyên đề lập trình Python cho phân tích dữ liệu,...

3.4.3. Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên

Hàng năm, sinh viên khoa Kinh tế số luôn được khuyến khích tham gia nghiên cứu khoa học. Lãnh đạo định hướng mỗi năm có từ 8 đến 10 nhóm sinh viên tham gia NCKH, lựa chọn các chủ đề nghiên cứu mới, phù hợp với thế mạnh nghiên cứu của giảng viên. Hội nghị NCKH sinh viên hàng năm đều được tổ chức với hệ thống các tiêu chí rõ ràng nhằm đánh giá công bằng và khách quan chất lượng các công trình

NCKH. Khoa kinh tế số xây dựng kế hoạch hoạt động NCKH của sinh viên, bao gồm các nội dung:

- Xác định danh mục đề tài NCKH của sinh viên và triển khai thực hiện đề tài theo quy định chung của Bộ GD&ĐT;
- Tổ chức hội nghị NCKH của sinh viên và các hình thức hoạt động khoa học và công nghệ khác của sinh viên;
- Tổ chức các cuộc thi chọn đội tuyển đi thi cấp Quốc gia.

PHẦN 4. MA TRẬN LIÊN KẾT

4.1. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Ký hiệu CDR	CDR của chương trình đào tạo	Mục tiêu của chương trình đào tạo				
		G1	G2	G3	G4	G5
CDR1	Nắm vững những kiến thức cơ bản, nền tảng về thế giới quan và phương pháp luận khoa học. Hiểu, phân tích, đánh giá và ứng dụng tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác – Lê nin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.					X
CDR2	Hiểu về thể chế Nhà nước; quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc tổ chức thực hiện chính sách kinh tế xã hội.					X
CDR3	Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu.	X			X	
CDR4	Hiểu các quy luật của kinh tế thị trường, vận dụng lý thuyết kinh tế vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.	X				
CDR5	Có sự am hiểu về dữ liệu và quản trị dữ liệu trong các tổ chức và doanh nghiệp. Thành thạo một số công cụ BI cho phân tích trực quan hóa dữ liệu của các tổ chức và doanh nghiệp.		X	X		
CDR6	Có sự hiểu biết về các nghiệp vụ liên quan đến kinh tế và kinh doanh trong môi trường toàn cầu hóa và các nền tảng công nghệ hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh trong bối cảnh của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0	X			X	
CDR7	Biết vận dụng các phương pháp thống kê, các mô hình học máy và sử dụng các công cụ phân tích dữ liệu để tạo ra thông tin có ích từ dữ liệu.		X	X		
CDR8	Sử dụng thành thạo các công cụ phân tích dữ liệu phổ biến như Python, SQL và các phần mềm Excel, Power BI hoặc Tableau để thiết lập các báo cáo nhằm hỗ trợ ra quyết định kinh doanh.			X	X	
CDR9	Hiểu rõ về các mô hình kinh doanh số, hệ sinh thái kinh tế số để tư vấn, triển khai chuyển đổi số nhằm tối ưu hóa các hoạt động của các cơ quan, tổ chức,	X			X	

	doanh nghiệp.					
CĐR10	Có tư duy linh hoạt, nhạy cảm và sáng tạo trong các giải pháp để xây dựng, tư vấn thực hiện chiến lược, kế hoạch kinh doanh của tổ chức và doanh nghiệp;				X	
CĐR11	Có kỹ năng số thành thạo và có khả năng khai thác hiệu quả các phần mềm trí tuệ nhân tạo, các công cụ truyền thông và mạng xã hội.			X		
CĐR12	Có khả năng sử dụng tiếng Anh một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề ở môi trường trong nước và quốc tế.				X	X
CĐR13	Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình trước đám đông để tổ chức và điều hành công việc.				X	
CĐR14	Có phẩm chất chính trị; sức khoẻ tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp.					X
CĐR15	Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Chủ động và tự giác thực thi nhiệm vụ được giao phó; tinh thần tự chịu trách nhiệm; trung thực; thái độ hợp tác; sẵn sàng giúp đỡ các thành viên trong tập thể, đơn vị.				X	X
CĐR16	Có năng lực dẫn dắt chuyên môn, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao; có khả năng đưa ra được kết luận về lĩnh vực kinh tế kinh doanh số ở mức độ căn bản và một số vấn đề mức độ chuyên sâu; đủ năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo của một tổ chức.		X			X

4.2. Ma trận đóng góp của học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Mã số học phần	Tên học phần	Chuẩn đầu ra															
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG																		
1	THML04	Triết học Mác - Lênin	2	2													X	X
2	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2														X	
3	THKT05	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2		3											X	
4	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2														X	X
5	THLS07	Lịch sử ĐCS Việt Nam	2														X	
6	PPNC09	Phương pháp nghiên cứu khoa học			3						X		X	X				
7	LUĐC01	Pháp luật đại cương		3						2							X	
8	TOĐC06	Tin học đại cương							3			X						
9	NNCS02	Tiếng Anh cơ bản 2											X	X				
10	NNCS03	Tiếng Anh cơ bản 3											X	X				
11	NNCS04	Tiếng Anh cơ bản 4											X	X				
12	KHMI01	Kinh tế vi mô 1			2	3											X	
13	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1			2	3											X	
14	TOCC01	Toán cao cấp			2												X	
15	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán			3												X	
16	NNCS01	Tiếng Anh cơ bản 1*											X					
17	GDQP02	Giáo dục quốc phòng*															X	
18	GDTC01	Giáo dục thể chất 1*															X	

19	GDTC02	Giáo dục thể chất 2*																X		
20	GDTC03	Giáo dục thể chất 3*																X		
21	QTKN01	Phát triển kỹ năng*											X		X					
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP																				
2.1. Kiến thức cơ sở ngành																				
2.1.1. Cơ sở ngành bắt buộc																				
21	KTKD01	Lập trình căn bản						3				X	X							
22	TOKT05	Kinh tế lượng		3		2		3										X		
23	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ		3	3													X		
24	CSCS11	Chính sách công		4							2									
25	TODL01	Dữ liệu lớn trong KT&KD				4		2	3									X		
26	KTKD03	Lý thuyết Kinh tế số			2		3			3										
27	KHMA04	Marketing căn bản			4		3					X						X		
2.1.2. Cơ sở ngành tự chọn																				
28	TCKT01	Nguyên lý kế toán		2	4													X		
29	QTHO06	Quản trị học		2	4													X		X
30	PTDL02	Cơ sở của khoa học dữ liệu		3		3		4	3			X								
31	KHĐT05	Kinh tế đầu tư		2	3															
32	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế		2	4															
33	ĐNTM08	Thương mại quốc tế			4		3							X	X					
34	ĐNQT09	Kinh tế quốc tế			4		3							X	X					
2.2. Kiến thức ngành																				

2.2.1. Ngành bắt buộc																
35	LUKT01	Pháp luật kinh tế		2		3					3				x	
36	QTMA09	Quản trị Marketing				4		3				x			x	
37	PTDL04	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu					4		3						x	
38	TCDN03	Tài chính doanh nghiệp			2	4		2							x	
39	QTKD14	Thương mại điện tử						3			3	x			x	
40	QLCD01	Chuyên đề thực tế							3	4	x		x	x		x
2.2.2. Ngành tự chọn																
41	TCCK25	Thị trường chứng khoán			2	3		2							x	
42	ĐTKT02	Phân tích kỹ thuật trong đầu tư			2	3	2		3							
43	QTKS07	Khởi nghiệp Đổi mới sáng tạo			2	4		2				x		x	x	
44	TCTO11	Toán tài chính			3	2			2			x				
45	PTDL07	Phân tích thống kê nhiều chiều			3				3			x			x	
46	PTDL06	Phân tích chuỗi thời gian trong tài chính			3				3			x			x	
47	TCKH04	Kế toán tài chính			2	4		2							x	
48	TCPT08	Phân tích báo cáo tài chính			2	4		2							x	
2.3. Kiến thức chuyên ngành																
2.3.1. Chuyên ngành bắt buộc																
49	PTDL05	Lập trình phân tích dữ liệu với Python			3				2	4			x		x	
50	PTDL20	Phân tích dữ liệu Marketing					3	4	4	3		x	x		x	
51	PTDL12	Phân tích dữ liệu lớn với PowerBI					5		3	4		x	x			x

52	PTDL08	Quản trị dữ liệu lớn					5		2	3		x					x	x
53	PTDL09	Khai phá dữ liệu cho phân tích kinh doanh					4		5	3		x	x				x	x
2.3.2. Chuyên ngành tự chọn																		
54	PTDL03	Logic Toán			3							x					x	x
55	KTKD12	Truyền thông đa phương tiện										x	x		x			
56	KTKD11	Khoa học quản lý			2							x					x	x
57	QTDM01	Marketing số					3	4			3	x	x					x
58	TCCN01	Công nghệ tài chính					3	4				x	x		x			x
59	KTKD06	Các mô hình kinh doanh số						4			3	x		x	x			x
60	ĐTRR06	Quản trị rủi ro		2	3						3	x			x			
61	KTKD05	Chuyển đổi số						4			4	x			x		x	x
62	KHPD13	Phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô		2	3				4	3					x			x
63	PTDL10	Học máy và trí tuệ nhân tạo					4		5	3		x	x				x	x
64	PTDL14	Blockchain trong quản lý					3	4			4	x	x					x
2.4. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp																		
65	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp				4	4		5	5	4	x	x		x	x	x	x
66	KLTN01	Khóa luận tốt nghiệp				4	4		6	6	4	x	x		x	x	x	x

Ghi chú: Các mức độ của thang Bloom

(1) Nhớ

(2) Hiểu

(3) Vận dụng

(4) Phân tích

(5) Đánh giá

(6) Sáng tạo

PHẦN 5: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1.1. Thời gian đào tạo

Học viện tổ chức đào tạo theo khoá học, năm học và học kỳ.

a) Khoá học là thời gian để sinh viên hoàn thành một chương trình đào tạo cho một chuyên ngành cụ thể. Thời gian đào tạo thiết kế cho một khóa học bậc đại học chính quy ở Học viện Chính sách và Phát triển là 4 năm.

b) Một năm học có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 12 tuần thực học. Ngoài 2 học kỳ chính, Giám đốc Học viện xem xét quyết định tổ chức thêm một học kỳ phụ để sinh viên có điều kiện được học lại; học bù hoặc học vượt. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 5 tuần thực học.

c) Thời gian tối đa hoàn thành chương trình đào tạo: Thời gian tối đa cho mỗi chương trình đào tạo trình độ đại học tại Học viện là 6 năm.

5.1.2. Cách thức thực hiện

Đầu khóa học, Học viện thông báo đến sinh viên nội dung và kế hoạch học tập của các chương trình, quy chế đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên.

a) Phòng Quản lý Đào tạo: Phổ biến các quy định, quy chế về đào tạo, chương trình đào tạo của tất cả các chuyên ngành trong toàn Học viện (qua đợt sinh hoạt chính trị đầu khóa và qua công thông tin đào tạo của Học viện). Đầu mỗi học kỳ thông báo kế hoạch giảng dạy và số học phần sinh viên được đăng ký, số tín chỉ cần tích lũy tối thiểu.

b) Phòng Chính trị và Công tác sinh viên thông báo các quy định về quyền lợi và nghĩa vụ của sinh viên: Chế độ chính sách (học phí, học bổng), khen thưởng, kỷ luật, các chế độ khác trong công tác quản lý sinh viên trong đợt sinh hoạt chính trị đầu khóa.

c) Các Khoa/Bộ môn có chuyên ngành đào tạo

- Các Khoa chuyên ngành thông báo đến sinh viên chương trình, kế hoạch đào tạo toàn khóa học (thông qua cố vấn học tập).
- Đầu mỗi học kỳ thông báo kế hoạch giảng dạy và số học phần sinh viên được đăng ký, số tín chỉ cần tích lũy tối thiểu.

d) Giảng viên giảng dạy trực tiếp thông báo kế hoạch học tập của các học phần trong đề cương chi tiết học phần (đã được ban hành cùng với chương trình đào tạo) được phê duyệt.

5.1.3. Điều kiện tốt nghiệp

Điều kiện tốt nghiệp được quy định là:

(i) Trong thời gian học tập tối đa của khóa học;

(ii) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không đang trong thời gian truy cứu trách nhiệm hình sự;

- (iii) Tích lũy đủ số tín chỉ quy định trong CTĐT;
- (iv) Điểm trung bình chung tích lũy của khóa học đạt từ 2.0 trở lên (theo thang điểm 4);
- (v) Đạt trình độ tiếng Anh TOEIC quốc tế (nghe, đọc) ở mức ≥ 450 điểm hoặc tương đương theo quy định.;
- (vi) Đạt trình độ Tin học chứng chỉ IC3 hoặc MOS;
- (vii) Được đánh giá đạt các học phần Giáo dục quốc phòng an ninh, Giáo dục thể chất.

5.2. Cách thức đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của sinh viên chuyên ngành phân tích dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí như sau:

- Số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).
- Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.
- Khối lượng kiến thức tích lũy là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá theo thang điểm chữ A, B, C, D tính từ đầu khóa học.
- Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các học phần và được đánh giá bằng các điểm chữ A, B, C, D mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ.

Đối với từng học phần trong CTĐT thì được đánh giá theo tiêu chí như sau:

STT	Hình thức	Tỷ trọng	Tiêu chí đánh giá
1	Điểm chuyên cần	20%	- Tích cực trên lớp (10%) - Đi học đầy đủ (10%)
2	Kiểm tra giữa kỳ	20%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (10%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (10%)
3	Thi kết thúc học phần	60%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (45%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (15%)

5.3. Phương pháp dạy - học

- Dựa trên triết lý đào tạo lấy người học làm trung tâm, các phương pháp dạy - học và phương pháp đánh giá học phần được thiết kế nhằm thúc đẩy ham muốn học tập và phát huy tính chủ động, sáng tạo của sinh viên.

- Chương trình đào tạo hướng tới việc đáp ứng nhu cầu sinh viên, do đó việc lựa chọn nội dung các học phần, phương pháp giảng dạy phù hợp với từng đối tượng sinh viên được quan tâm. Sinh viên năm thứ nhất được tiếp cận các học phần nguyên lý cơ

bản và phương pháp giảng dạy chủ đạo là thuyết trình để giúp sinh viên dễ dàng tiếp thu được kiến thức mới. Các học phần với khối kiến thức chuyên sâu được đào tạo cho sinh viên năm thứ ba và thứ tư, áp dụng kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy yêu cầu năng lực tự học, tự tìm tài liệu, phân tích, tổng hợp, giải quyết tình huống phức tạp, khuyến khích sinh viên thuyết trình, phản biện...

- Điểm chuyên cần của sinh viên được tính theo quy định chung của Học viện và được thông báo rõ cho sinh viên từ khi bắt đầu môn học. Một số học phần chuyên ngành đã thiết kế hệ thống bài tập tình huống giúp sinh viên vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã học vào giải quyết các tình huống phức tạp trong thực tế. Đồng thời, thông qua việc chuẩn bị bài tập nhóm và phối hợp thuyết trình trên lớp, sinh viên phát huy tính chủ động nghiên cứu tài liệu và tích cực thảo luận các luận điểm với các bạn trong nhóm, từ đó phát triển năng lực khám phá tri thức, khả năng làm việc nhóm, năng lực thuyết trình và tư duy phản biện.

Bản hướng dẫn thực hiện chiến lược dạy và học cho CTĐT chuẩn trình độ đại học ngành Kinh tế số, chuyên ngành Phân tích dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh được thiết kế nhằm giúp người học đạt được các mục tiêu theo chuẩn đầu ra đã tuyên bố, được tóm tắt như sau:

Năm học	CHUẨN ĐẦU RA			Gợi ý cách thực hiện
	Kiến thức	Kỹ năng	Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
Năm thứ nhất	Các môn học thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương	<ul style="list-style-type: none"> Trang bị cho sinh viên khả năng lập luận, tư duy theo hệ thống, kỹ năng quản lý công việc và thời gian. Sinh viên có thể nhận thức được các chính sách, chủ trương của Nhà nước liên quan đến kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục quốc phòng an ninh. Sinh viên có thể dùng thành thạo tin học văn phòng và giao tiếp tốt bằng Tiếng Anh. 	Sinh viên được định hướng theo các chuẩn mực đạo đức, hướng tới các phẩm chất nghề nghiệp như: Tôn trọng pháp luật, làm việc với tinh thần kỷ luật cao, trung thực, có lối sống tích cực, và có tinh thần hướng về cộng đồng.	<p>Phương pháp giảng dạy của GV:</p> <ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình Thảo luận nhóm Bài tập tình huống (Case study) <p>Phương pháp học tập của SV</p> <ul style="list-style-type: none"> Đọc trước học liệu và chuẩn bị các câu hỏi Chủ động nghe giảng, ghi chép có chọn lọc Tham gia đối thoại với giáo viên, tranh luận với bạn Chủ động bố trí kế hoạch tự học <p>Điều kiện dạy và học:</p> <ul style="list-style-type: none"> Cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu cho sinh viên Đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị, phần mềm hỗ trợ việc dạy và học
Năm thứ hai	Các môn học thuộc khối kiến thức ngành, cơ sở ngành	<ul style="list-style-type: none"> Trang bị cho sinh viên kỹ năng phân tích định tính, định lượng, xác định vấn đề ưu tiên; tư duy phân tích đa chiều. Sinh viên được trang bị các kỹ năng phối hợp làm việc trong các nhóm khác nhau; kỹ năng thuyết trình; đề xuất ý tưởng; giao tiếp qua email và các 	<ul style="list-style-type: none"> Có khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức liên quan đến ngành học Có thể làm việc hiệu quả trong môi trường quốc tế. Có khả năng làm việc độc lập và chủ động trong công việc 	<p>Phương pháp giảng dạy của GV:</p> <ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình, hình thành cách tư duy, tổng hợp và phân tích vấn đề thông qua quá trình học tập trên lớp và tự học. Thảo luận nhóm Bài tập tình huống (Case study) <p>Phương pháp học tập của SV</p> <ul style="list-style-type: none"> Đọc trước học liệu và chuẩn bị các câu hỏi của môn học Chủ động nghe giảng, ghi chép có chọn lọc Tham gia đối thoại với giáo viên, tranh luận với bạn

		phương tiện truyền thông.		<ul style="list-style-type: none"> ▪ Chủ động bố trí kế hoạch tự học ▪ Chủ động tìm đọc các nguồn tài liệu tham khảo khác nhau; quan sát, khảo sát thu thập thông tin liên quan đến doanh nghiệp đến thực tế/thực tập liên quan đến môn học/đề tài nghiên cứu theo sự hướng dẫn của giảng viên. <p>Điều kiện dạy và học:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu cho sinh viên ▪ Đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị, phần mềm hỗ trợ việc dạy và học ▪ Tổ chức các chuyến thực tế theo nhu cầu môn học, thực tập tại doanh nghiệp cho sinh viên. ▪ Sinh viên được tạo điều kiện tham gia các chương trình học trao đổi với các trường có hợp tác NCKH và giảng dạy với các điều kiện: tiếng Anh C1, có điểm trung bình từ 3 trở lên và đáp yêu cầu của trường đối tác, tích cực tham gia các hoạt động ngoại khóa.
Năm thứ Ba và năm thứ Tư	Các môn học thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Áp dụng các kiến thức cơ bản để phân tích, đánh giá môi trường kinh doanh, biết cách sử dụng công cụ phân tích dữ liệu lớn để giải quyết các vấn đề trong kinh tế và kinh doanh, nắm bắt được xu hướng chuyển đổi số của các tổ chức và doanh nghiệp trong thời đại số. ▪ Sinh viên có tư duy nghiên cứu độc lập; có năng lực tự học bổ sung kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn thích nghi với sự thay đổi của môi trường 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Có khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức liên quan đến lĩnh vực kinh tế số, đặc biệt là trong công tác phân tích dữ liệu kinh doanh của doanh nghiệp. ▪ Phát triển năng lực tự học, tìm kiếm và xử lý thông tin đa chiều, quản lý thời gian cá nhân, phong cách làm việc chuyên nghiệp . ▪ Có khả năng làm việc độc lập và chủ động trong công việc. ▪ Có khát vọng trở 	<p>Phương pháp giảng dạy của GV:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Thuyết trình, đề xuất ý tưởng qua các câu vấn đáp khi giảng hoặc các bài tập trắc nghiệm liên quan. ▪ Thảo luận nhóm, đóng vai các nhân vật để xử lý các tình huống trong kinh tế và kinh doanh. ▪ Bài tập tình huống, bài tập lớn, tiểu luận, phương pháp học tập theo dự án,... <p>Phương pháp học tập của SV</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Đọc trước học liệu và chuẩn bị các câu hỏi của môn học ▪ Chủ động nghe giảng, ghi chép có chọn lọc ▪ Tham gia đối thoại với giảng viên, tranh luận với bạn ▪ Chủ động bố trí kế hoạch tự học ▪ Chủ động tìm đọc các nguồn tài liệu tham khảo khác nhau; quan sát, khảo sát thu thập thông tin liên quan đến doanh nghiệp đến thực tế/thực tập liên quan đến môn học/đề tài nghiên cứu theo sự hướng dẫn của giảng viên. ▪ Thực tập thực tế.

		<p>làm việc.</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Có thể làm việc trong các tổ chức và doanh nghiệp. 	<p>thành nhà lãnh đạo, chuyên gia cao cấp trong lĩnh vực Khoa học dữ liệu.</p>	<p>Điều kiện dạy và học:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu cho sinh viên ▪ Đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị, phần mềm hỗ trợ việc dạy và học ▪ Tổ chức các chuyến thực tế theo nhu cầu môn học, thực tập tại doanh nghiệp cho sinh viên. ▪ Tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề thực tiễn do các chuyên gia thực tiễn đảm nhiệm nhằm tăng kiến thức thực tiễn, kết hợp giữa đào tạo với thực tế.
--	--	---	--	--

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1041/QĐ-HVCSPT ngày 29 tháng 08 năm 2023
của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:

Tên tiếng Việt: Kinh tế số

Tên tiếng Anh: Digital Economics

- Mã số ngành đào tạo: 7310109

- Tên chuyên ngành: **Kinh tế và Kinh doanh số**

- Trình độ đào tạo: Đại học

- Thời gian đào tạo: 3,5 – 4 năm

- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:

Tên tiếng Việt: Cử nhân Kinh tế số

Tên tiếng Anh: The Degree of Bachelor in Digital Economics

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Khoa Kinh tế số

1.2. Mục tiêu đào tạo

1.2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân kinh tế và kinh doanh số có kiến thức cơ bản về kinh tế, kinh doanh và công nghệ thông tin; có kiến thức chuyên sâu về việc sử dụng công cụ phân tích dữ liệu lớn để giải quyết các vấn đề trong kinh tế và kinh doanh, nắm bắt được xu hướng chuyển đổi số của các tổ chức và doanh nghiệp trong thời đại số; có tư duy nghiên cứu độc lập; có năng lực tự học bổ sung kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn thích nghi với sự thay đổi của môi trường làm việc.

Chương trình đào tạo cũng góp phần nâng cao phẩm chất chính trị; đạo đức cá nhân và đạo đức nghề nghiệp; tinh thần vì cộng đồng xã hội; tuân thủ pháp luật và tinh thần học tập suốt đời cho học viên.

1.2.2. Mục tiêu cụ thể

Việc đào tạo cử nhân chuyên ngành kinh tế và kinh doanh số tại Học viện Chính sách và Phát triển sẽ phải hướng đến các mục tiêu sau:

- G1: Đào tạo cho người học những kiến thức cơ bản về dữ liệu lớn, công nghệ thông tin và quản lý kinh tế, nắm bắt được xu hướng chuyển đổi số của các tổ chức và doanh nghiệp trong thời đại số.

- G2: Đào tạo những kiến thức chuyên sâu về kinh doanh và thương mại dựa trên nền tảng số; marketing số, an toàn và bảo mật dữ liệu, mạng máy tính và truyền thông trong nền kinh tế số.

- G3: Đào tạo cho người học sự hiểu biết chuyên sâu về hệ thống các phần mềm trên nền tảng điện toán đám mây (cloud computing) để phát triển kinh doanh nhằm nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp, phát triển, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo.

- G4: Đào tạo nguồn nhân lực có kỹ năng nghiên cứu khoa học, đọc hiểu và giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh; kỹ năng quản lý thời gian hiệu quả và làm việc nhóm; kỹ năng hoạch định và đề xuất các giải pháp kinh tế kinh doanh phù hợp cho tổ chức, doanh nghiệp.

- G5: Đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết của một nhà kinh tế có bản lĩnh nghề nghiệp và thái độ trung thực, có trách nhiệm trong công việc và tinh thần làm việc vì sự phát triển của nhân loại.

1.2.3. Trình độ ngoại ngữ và tin học

+ Đạt trình độ về ngoại ngữ: Theo chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển. Sử dụng tốt tiếng Anh với những kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong nghiên cứu và giao tiếp với người nước ngoài.

+ Đạt trình độ tin học: Chứng chỉ tin học quốc tế IC3 (Internet and Computing Core Certification) hoặc MOS (Microsoft Office Specialist), đây là những chuẩn quốc tế về sử dụng máy tính và tin học văn phòng do tổ chức Certiport của Mỹ cấp.

1.2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

+ Có đủ điều kiện và khả năng tự nghiên cứu, phát triển trình độ kiến thức và tham gia đào tạo ở bậc sau đại học trong và ngoài nước.

+ Bảo đảm việc liên thông khối kiến thức ngành Kinh tế hoặc ngành Hệ thống thông tin kinh tế, ngành Thương mại điện tử với các cơ sở đào tạo khác ở Việt Nam và quốc tế.

+ Độc lập thực hiện các công trình nghiên cứu khoa học, sản phẩm liên quan đến công nghệ số và thương mại điện tử, chuyển đổi số trong kinh tế và kinh doanh.

1.3. Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp

Cử nhân Ngành Kinh tế số - chuyên ngành Kinh tế và Kinh doanh số khi ra trường có thể hoàn toàn tự tin làm việc được trong cả khu vực Nhà nước và khu vực kinh tế tư nhân tại các vị trí như:

Tổ chức/ Doanh nghiệp	Vị trí việc làm	Mô tả công việc
Các cơ quan Nhà nước thuộc Bộ, Ban, Ngành từ Trung ương tới Địa phương	<p><i>- Khi mới tốt nghiệp:</i></p> <p>+ Nhân viên quản trị website; quản trị hoạt động truyền thông của cơ quan, đơn vị.</p> <p>+ Nhân viên triển khai các hoạt động chuyển đổi số, phát triển kinh tế số theo dự án được phê duyệt.</p>	<p>+ Thực hiện các hoạt động quản trị web, quản trị hệ thống mạng nội bộ hay Fanpage, diễn đàn của các đơn vị/tổ chức của Nhà nước</p> <p>+ Thiệu hiện cài đặt phần mềm, số hóa tài liệu, thiết lập hệ thống lưu trữ dữ liệu và quản lý người dùng trong các đơn vị/tổ chức của Nhà nước</p>

	<p>- Khi có khoảng 10 năm kinh nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chuyên gia lập dự án và lập kế hoạch về chuyển đổi số, an toàn và bảo mật cho các dự án/đề án phát triển kinh tế - xã hội + Chuyên gia quản trị hệ thống thông tin, truyền thông của cơ quan 	<ul style="list-style-type: none"> + Nghiên cứu các xu thế mới về công nghệ, dịch vụ, sản phẩm theo tầm nhìn của tổ chức. + Xây dựng và quản trị chiến lược chuyển đổi số, chiến lược CNTT, chiến lược sản phẩm dịch vụ của cơ quan/tổ chức. + Xây dựng và quản trị KPI cho từng cơ quan/đơn vị . + Nghiên cứu xu thế công nghệ, sản phẩm dịch vụ mới; xây dựng roadmap và quản lý danh mục sản phẩm dịch vụ mới cho tổ chức. + Tư vấn các tiêu chuẩn, quy chuẩn công nghệ mới cho các tổ chức hay đơn vị để vận hành hiệu quả nhất.
<p>Các doanh nghiệp/ tổ chức kinh doanh thương mại điện tử hay các loại hình doanh nghiệp khác như Ngân hàng, công ty chứng khoán, công ty công nghệ,...</p>	<p>- Khi mới tốt nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chuyên viên triển khai các giải pháp thương mại điện tử, giải pháp kinh doanh trên nền tảng số; + Chuyên viên truyền thông và quản trị kênh truyền thông cho doanh nghiệp; + Chuyên viên quản trị, vận hành website của công ty; 	<ul style="list-style-type: none"> + Quản lý, vận hành sàn thương mại điện tử (quản lý đơn hàng, thanh toán đơn hàng, hàng đi và hàng bị trả lại, hàng tồn). + Quản lý kênh bán, giá bán, lợi nhuận của các nhóm sản phẩm hóa phẩm gia dụng, hàng tiêu dùng. + Tư vấn cho khách hàng, nhận phản hồi từ khách hàng và đưa ra giải pháp chăm sóc khách hàng. + Đăng sản phẩm theo nội dung có sẵn hoặc tự xây dựng nội dung trên các Fanpage/Website của doanh nghiệp. + Livestream bán hàng theo kịch bản và chương trình có sẵn trên các nền tảng mạng xã hội khi cần (Facebook, Tiktok, Youtube,...) + Triển khai và theo dõi quảng cáo sản phẩm, dịch vụ của Công ty trên các kênh Online như Google, Facebook, Zalo, Tiktok,... + Báo cáo, thống kê số liệu bán hàng, thực hiện đối soát doanh thu bán hàng các kênh.
	<p>- Khi có 10 năm kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chuyên gia quản lý thương mại, quản lý hệ thống kinh doanh trực tuyến, quản lý kênh phân phối cho các doanh nghiệp sản xuất, tập đoàn kinh tế, công ty thương mại - dịch vụ,... + Chuyên gia tư vấn các giải pháp chuyển đổi số, quản trị số cho doanh nghiệp và các tổ chức khi có 	<ul style="list-style-type: none"> + Điều phối, phối hợp với các bộ phận, phòng ban khác để phát triển các kênh quảng cáo mới trên nền tảng số, đảm bảo hiệu quả công việc. + Nghiên cứu xu hướng chuyển đổi kinh doanh, xu hướng công nghệ và các giải pháp phát triển sản phẩm dịch vụ của doanh nghiệp. + Thực hiện các nghiệp vụ tư vấn triển khai các giải pháp chuyển đổi số, quản trị số cho

	nhu cầu	các tổ chức và doanh nghiệp.
Đại học/Viện nghiên cứu	Giảng viên, Nghiên cứu viên	Nghiên cứu và giảng dạy các môn học về Kinh tế số, Kinh doanh số, Thương mại điện tử, chuyển đổi số, Các mô hình kinh doanh số,...
Hoạt động tự doanh và khởi nghiệp kinh doanh	Giám đốc/Chủ tịch công ty /Thành viên sáng lập/Chủ cửa hàng,...	+ Xây dựng và mô tả cơ cấu tổ chức công ty, chức năng nhiệm vụ từng phòng ban bộ phận + Xây dựng đội ngũ Marketing & bán hàng cho doanh nghiệp + Phát triển năng lực quản trị và kiến thức tài chính, kinh doanh. + Tìm hiểu các vấn đề về pháp lý kinh doanh + Nghiên cứu lộ trình triển khai chuyển đổi số phù hợp với bối cảnh doanh nghiệp

1.4. Thông tin tuyển sinh

❖ Đối tượng tuyển sinh:

Thí sinh có đủ các điều kiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định tuyển sinh của Học viện Chính sách và Phát triển.

❖ Phương thức tuyển sinh:

Theo Đề án tuyển sinh hàng năm của Học viện

1.4. Điều kiện nhập học

Thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Học viện.

PHẦN 2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

A. Chuẩn đầu ra về kiến thức

A.1. Chuẩn đầu ra chung của Học viện

- [1]. Nắm vững những kiến thức cơ bản, nền tảng về thế giới quan và phương pháp luận khoa học. Hiểu, phân tích, đánh giá và ứng dụng tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác – Lê nin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.
- [2]. Hiểu về thể chế Nhà nước; quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc tổ chức thực hiện chính sách kinh tế xã hội.
- [3]. Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu.
- [4]. Hiểu các quy luật của kinh tế thị trường, vận dụng lý thuyết kinh tế vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.

A.2. Chuẩn đầu ra chung của ngành Kinh tế số

- [5]. Có sự am hiểu về dữ liệu và quản trị dữ liệu trong các tổ chức và doanh nghiệp. Thành thạo một số công cụ BI cho phân tích trực quan hóa dữ liệu của các tổ chức và doanh nghiệp.
- [6]. Có sự hiểu biết về các nghiệp vụ liên quan đến kinh tế và kinh doanh trong môi trường toàn cầu hóa và các nền tảng công nghệ hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh trong bối cảnh của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0;

A.3. Chuẩn đầu ra riêng của chuyên ngành

- [7]. Có tư duy lập trình và sử dụng tốt các công cụ để có thể thiết kế, vận hành, quản trị và tư vấn về website thương mại điện tử.
- [8]. Có sự hiểu biết về các mô hình kinh doanh số, hệ sinh thái kinh tế số để tư vấn, triển khai chuyển đổi số nhằm tối ưu hóa các hoạt động của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.
- [9]. Hiểu rõ về pháp luật kinh doanh; biết cách ứng dụng công nghệ để thúc đẩy các hoạt động bán hàng và marketing của doanh nghiệp trong môi trường số.

B. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

B.1. Kỹ năng nghề nghiệp

- [10]. Có tư duy linh hoạt, nhạy cảm và sáng tạo trong các giải pháp để xây dựng, tư vấn thực hiện chiến lược, kế hoạch kinh doanh của tổ chức và doanh nghiệp;
- [11]. Biết chụp ảnh, biên tập nội dung, quản trị fanpage để tổ chức sự kiện truyền thông cho các tổ chức và doanh nghiệp.

B.2. Kỹ năng mềm

- [12]. Có khả năng sử dụng tiếng Anh một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề ở môi trường trong nước và quốc tế.

[13]. Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình trước đám đông để tổ chức và điều hành công việc.

C. Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và trách nhiệm

[14]. Có phẩm chất chính trị; sức khoẻ tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp.

[15]. Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Chủ động và tự giác thực thi nhiệm vụ được giao phó; tinh thần tự chịu trách nhiệm; trung thực; thái độ hợp tác; sẵn sàng giúp đỡ các thành viên trong tập thể, đơn vị.

[16]. Có năng lực dẫn dắt chuyên môn, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao; có khả năng đưa ra được kết luận về lĩnh vực kinh tế kinh doanh số ở mức độ căn bản và một số vấn đề mức độ chuyên sâu; đủ năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo của một tổ chức.

PHẦN 3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: *130 tín chỉ*

Nội dung	Khối lượng kiến thức (tín chỉ)	Số học phần	Tỷ lệ (%)
1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG (không bao gồm GDTC&QP)	41	15	31.5%
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	89	29-30	68.5%
2.1. Kiến thức cơ sở ngành	29	10	22.3%
2.1.1. Cơ sở ngành bắt buộc	20	7	15.4%
2.1.2. Cơ sở ngành tự chọn	9	3	6.9%
2.2. Kiến thức ngành	26	9	20.0%
2.2.1. Ngành bắt buộc	17	6	13.1%
2.2.2. Ngành tự chọn	9	3	6.9%
2.3. Kiến thức chuyên ngành	24	8-9	18.5%
2.3.1. Chuyên ngành bắt buộc	15	5	11.5%
2.3.2. Chuyên ngành tự chọn	9	3-4	6,9%
2.4. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	10	2	7.7%
TỔNG SỐ TÍN CHỈ (Không bao gồm GDTC & GDQP)	130	44-45	100%

3.2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Số tín chỉ	Học kỳ
1. Giáo dục đại cương			41	
1	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	4
2	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2	2
3	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3	1
4	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3	2
5	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	3
6	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	2
7	LUĐC01	Pháp luật đại cương	3	1
8	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	2
9	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1*	3	1
10	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2	3	2

11	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3
12	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	3	4
13	TOĐC06	Tin học đại cương	3	1
14	TOCC05	Toán cao cấp	3	1
15	THML04	Triết học Mác - Lênin	3	1
16	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1
17	<i>QTKN01</i>	<i>Phát triển kỹ năng*</i>	3	3
2. Giáo dục quốc phòng			8	
1	GDQP02	<i>Giáo dục quốc phòng *</i>	8	2
3. Giáo dục thể chất			6	
1	GDTC08	<i>Giáo dục thể chất 1 *</i>	2	1
2	GDTC06	<i>Giáo dục thể chất 2 *</i>	2	2
3	GDTC07	<i>Giáo dục thể chất 3 *</i>	2	3
4. Cơ sở ngành (Bắt buộc)			20	
1	KTKD01	Lập trình căn bản	3	3
2	QTMC02	Marketing căn bản	3	4
3	TOKT05	Kinh tế lượng	3	3
4	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	3	3
5	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	3	3
6	KTKD03	Lý thuyết Kinh tế số	2	4
7	CSCS11	Chính sách công	3	3
5. Cơ sở ngành (Lựa chọn 3 môn theo khối kiến thức muốn học)			9	
1	QTHO06	Quản trị học	3	4
2	QTCC01	Quan hệ công chúng	3	5
3	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	4
4	KHĐT05	Kinh tế đầu tư	3	5
5	ĐNQT09	Kinh tế quốc tế	3	4
6	ĐNTM08	Thương mại quốc tế	3	5
7	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3	3
6. Kiến thức Ngành (Bắt buộc)			17	
1	TCDN03	Tài chính doanh nghiệp	3	5
2	PTDL04	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3	4
3	LUKT01	Pháp luật kinh tế	3	4
4	QTMA09	Quản trị Marketing	3	5
5	QTKD14	Thương mại điện tử	3	5
6	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2	6
7. Kiến thức Ngành (Lựa chọn 3 môn theo khối kiến thức muốn học)			9	
1	TCCK25	Thị trường chứng khoán	3	5
2	KTKD09	Thanh toán điện tử	3	6
3	KTKD02	Hệ thống thông tin quản lý	3	5

4	QTKS07	Khởi nghiệp Đổi mới sáng tạo	3	7
5	TCPT08	Phân tích báo cáo tài chính	3	5
6	KTKD10	Mạng máy tính và truyền thông số	3	6
7	TCKH04	Kế toán tài chính	3	5
8. Chuyên ngành (Bắt buộc)			15	
1	KTKD04	Thiết kế website thương mại điện tử	3	5
2	KTKD05	Chuyển đổi số	3	7
3	LUKT18	Luật thương mại	3	7
4	QTDM01	Digital Marketing	3	6
5	KTKD06	Các mô hình kinh doanh số	3	7
9. Chuyên ngành (Lựa chọn 3-4 môn theo khối kiến thức muốn học)			9	
1	KTKD12	Truyền thông đa phương tiện	2	6
2	KTKD11	Khoa học quản lý	2	7
3	QTTT11	Nghiên cứu thị trường	2	7
4	QTNL03	Quản trị nguồn nhân lực	3	6
5	KTKD07	An toàn và bảo mật thương mại điện tử	3	6
6	ĐTRR06	Quản trị rủi ro	3	6
7	TCCN01	Công nghệ tài chính	3	7
8	QTCU04	Quản trị chuỗi cung ứng	3	6
9	QTEO01	Quản trị tổ chức sự kiện	3	7
10. Thực tập và Khoá luận tốt nghiệp (hoặc thi tốt nghiệp)			10	
1	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4	8
2	KLTN01	Khoá luận tốt nghiệp (với các sinh viên đủ đk)	6	8
	HPTN01	Phân tích dữ liệu Marketing	3	8
	HPTN02	Quản trị và vận hành website TMĐT	3	8
TỔNG			130	

Ghi chú: (*) Học phần không tính điểm, không tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo

3.3. Mô tả tóm tắt các học phần

STT	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG (không bao gồm GDTC &QP)				41	
1	THML04	Triết học Mác-Lênin	Sinh viên cần nắm được kiến thức về chủ nghĩa duy vật biện chứng; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức; quy luật vận động, phát triển.	3	
2	THKT05	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Sinh viên cần nắm được kiến thức về bản chất hàng hóa, quy luật kinh tế hàng hóa; hàng hóa sức lao động, giá trị thặng dư; xu thế kinh tế chính trị hiện đại.	2	

3	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Sinh viên cần nắm được kiến thức về lịch sử, nội dung lý luận của Hồ Chí Minh về những vấn đề của cách mạng Việt Nam	2	
4	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Sinh viên cần nắm được những căn cứ lý luận khoa học để hiểu Cương lĩnh xây dựng đất nước, đường lối chính sách xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội – con đường mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.	2	
5	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Sinh viên cần nắm được kiến thức về lịch sử, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; đường lối xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ hiện nay	2	
6	PPNC09	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Sinh viên cần nắm được kiến thức về kỹ năng nhận dạng, xây dựng, phát triển, thiết kế khung nghiên cứu để giải quyết vấn đề khoa học	3	
7	THLG01	Pháp luật đại cương	Sinh viên cần nắm được kiến thức về các nguyên lý cơ bản về pháp luật, các bộ luật cơ bản, các thể thức văn bản quy phạm pháp luật của Việt nam	3	
8	TOĐC06	Tin học đại cương	Sinh viên cần nắm được kiến thức về mạng và internet; tin học văn phòng.	3	
9	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1	Sinh viên cần nắm được kiến thức về các thời thể ngữ pháp tiếng Anh đơn giản; từ vựng hàng ngày; kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết đối với người mới học	3	Không tính điểm
10	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2	Sinh viên cần nắm được kiến thức về các thời thể ngữ pháp tiếng Anh cơ bản; từ vựng hàng ngày; kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở trình độ bậc A1	3	
11	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	Sinh viên cần nắm được kiến thức về các thời thể ngữ pháp tiếng Anh cơ bản và phát triển viết đoạn văn hoàn chỉnh; từ vựng hàng ngày và thực hành hội thoại; cấu trúc bài thi TOEIC, kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết.	3	
12	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	Sinh viên cần nắm được kiến thức về các thời thể ngữ pháp tiếng Anh cơ bản và phát triển viết đoạn văn hoàn chỉnh; từ vựng hàng ngày và thực hành hội thoại; cấu trúc bài thi TOEIC, kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết.	3	
13	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	Sinh viên cần nắm được kiến thức về	3	

			nguyên lý kinh tế cơ bản; thị trường, quan hệ cung cầu, hành vi tiêu dùng		
14	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	Sinh viên cần nắm được kiến thức về các mô hình kinh tế vĩ mô cơ bản; hạch toán thu nhập quốc dân; nguyên lý ban đầu của các chính sách kinh tế vĩ mô	3	
15	TOCC01	Toán cao cấp	Sinh viên cần nắm được các phương pháp toán ứng dụng trong phân tích kinh tế như mô hình tuyến tính, ma trận, định thức. Ngoài ra, sinh viên cần nắm được các kiến thức nâng cao đạo hàm, vi phân, tích phân, cực trị hàm số và ứng dụng.	3	
16	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Sinh viên cần nắm được kiến thức cơ bản về biến cố ngẫu nhiên và các công thức tính xác suất. Hiểu các thu thập số liệu mẫu, tính toán các tham số mẫu để từ đó giải quyết được các bài toán ước lượng và kiểm định.	3	
17	QTKN01	Phát triển kỹ năng	Sinh viên có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình trước đám đông để tổ chức và điều hành công việc.		Không tính điểm
18	GDQP02	Giáo dục quốc phòng	Cung cấp kiến thức về an ninh, quốc phòng và bảo vệ tổ quốc cho sinh viên.	8	
19	GDTC01	Giáo dục thể chất 1	Rèn luyện sức khỏe và thể chất cho sinh viên	2	
20	GDTC02	Giáo dục thể chất 2	Rèn luyện sức khỏe và thể chất cho sinh viên	2	
21	GDTC03	Giáo dục thể chất 3	Rèn luyện sức khỏe và thể chất cho sinh viên	2	
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP				89	
2.1. Kiến thức cơ sở ngành				29	
2.1.1. Cơ sở ngành bắt buộc				23	
21	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	Sinh viên cần nắm được kiến thức về chính sách tài khóa; chính sách tiền tệ cũng như những khái niệm mở đầu về quản lý tài chính trong doanh nghiệp.	3	
22	QTMC02	Marketing căn bản	Người học sẽ nắm được những kiến thức Marketing, quan điểm về Marketing, các loại môi trường marketing, đặc điểm để phân biệt các loại môi trường, oại hình hành vi mua hàng của người tiêu dùng, các loại sản phẩm và chu kỳ sống của sản phẩm,...	3	
23	KTKD01	Lập trình căn bản	Sinh viên hiểu được các khái niệm cơ bản trong lập trình, các thuật toán cơ bản, hướng	3	

			đẫn sinh viên phương pháp tư duy trong lập trình như: tuần tự, chọn lựa, lặp...		
24	PTDL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	Sinh viên cần nắm được kiến thức cơ bản về dữ liệu lớn, đặc trưng của dữ liệu lớn, cách thức lưu trữ và xử lý dữ liệu lớn bởi các công cụ như Hadoop, Spark; biết cách trực quan hóa và phân tích dữ liệu với Tableau và Excel.	3	
25	TOKT05	Kinh tế lượng	Sinh viên cần nắm được cách xây dựng mô hình kinh tế lượng từ hàm hồi quy đơn, hồi quy bội, đồng thời phát hiện các khuyết tật trong mô hình như đa cộng tuyến, phương sai của sai số thay đổi,...	3	
26	KTKD03	Lý thuyết Kinh tế số	Học phần này sẽ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kinh tế số, mô hình phát triển kinh tế số của các quốc gia, cách thức đo lường kinh tế số cũng như đào tạo nguồn nhân lực số cho sự phát triển nền kinh tế số của mỗi quốc gia.	2	
27	CSCS11	Chính sách công	Sinh viên cần nắm được kiến thức về công cụ chính sách; hoạch định và thực thi chính sách công	3	
2.1.2. Cơ sở ngành tự chọn				6	
28	TCKT01	Nguyên lý kế toán	Sinh viên cần nắm được kiến thức về lý thuyết hạch toán kế toán; cân đối kế toán; các phương pháp: tài khoản, tính giá, chứng từ kế toán,...	3	
29	QTCC01	Quan hệ công chúng	Học phần này được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về quan hệ công chúng (PR). Trong tâm của môn học, nhấn mạnh vai trò của quan hệ công chúng trong tổ chức và lịch sử phát triển cũng như những quan niệm, các học thuyết, thực tiễn cũng như khía cạnh quản trị của PR.	3	
30	QTKD13	Quản trị học	Sinh viên cần nắm được các kiến thức và kỹ năng cần thiết để sau khi tốt nghiệp họ có thể thực hiện các hoạt động quản trị trong doanh nghiệp	3	
31	ĐNTM08	Thương mại quốc tế	Học phần giới thiệu tổng quan những vấn đề chung nhất về hoạt động thương mại quốc tế như các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động thương mại quốc tế. Tiếp đến học phần đi sâu giới thiệu các lý thuyết thương mại quốc tế cổ điển và hiện đại, chính sách thương mại quốc tế và các công cụ của chính sách	3	

			thương mại quốc tế được các quốc gia sử dụng để điều tiết hoạt động thương mại quốc tế.		
32	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế	Sinh viên cần nắm được các kiến thức và kỹ năng thống kê và phân tích thống kê các chỉ tiêu kinh tế xã hội	3	
33	ĐNQ09	Kinh tế quốc tế	Sinh viên cần nắm được quá trình hình thành, phát triển và những đặc điểm mới của nền kinh tế thế giới, nội dung và tính chất của các quan hệ kinh tế quốc tế; dòng vận động của các luồng hàng hóa và dịch vụ giữa một quốc gia với các quốc gia và vùng lãnh thổ khác trong nền kinh tế thế giới.	3	
34	KHĐT05	Kinh tế đầu tư	Sinh viên cần nắm được các kiến thức cơ bản, chuyên ngành về kinh tế và quản lý hoạt động đầu tư phát triển trên phạm vi vĩ mô.	3	
2.2. Kiến thức ngành				26	
2.2.1. Ngành bắt buộc				20	
35	LUKT02	Pháp luật kinh tế	Sinh viên cần nắm được những kiến thức cơ bản về pháp luật kinh tế của Việt Nam trong lĩnh vực đầu tư, đầu tư công, đấu thầu, ngân sách, doanh nghiệp.	3	
36	QTMA09	Quản trị Marketing	Học phần giới thiệu nội dung các công việc của chức năng quản trị marketing trong các doanh nghiệp/tổ chức gắn với quá trình quản trị marketing với 3 giai đoạn chủ yếu là xây dựng kế hoạch và chiến lược marketing; tổ chức thực hiện; kiểm tra đánh giá và điều chỉnh. Các nội dung chính tập trung vào kiến thức và kỹ năng phân tích các cơ hội thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu, lựa chọn chiến lược marketing, xây dựng và thực hiện các công cụ marketing. Học phần cũng đề cập đến quản trị các chính sách và biện pháp marketing cụ thể trong một chương trình Marketing tổng thể.	3	
37	TOHQ12	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	Sinh viên sẽ nắm được bảng dữ liệu, truy vấn, mẫu biểu của hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server; các tiện ích, các đối tượng trong cơ sở dữ liệu và việc sử dụng ngôn ngữ T-SQL để lập trình, quản lý cơ sở dữ	3	

			liệu.		
38	TCDN03	Tài chính doanh nghiệp	Sinh viên cần nắm được kiến thức về doanh thu, lợi nhuận, chi phí, dòng tiền của doanh nghiệp; quản lý rủi ro tài chính doanh nghiệp	3	
39	QTKD14	Thương mại điện tử	Học phần trang bị những kiến thức căn bản và những ứng dụng thực tiễn của thương mại điện tử trong doanh nghiệp bao gồm: những khái niệm cơ bản, những nguyên lý về thị trường điện tử và khách hàng, những mô hình kinh doanh thương mại điện tử phổ biến hiện nay, kết cấu hạ tầng của thương mại điện tử, những hoạt động như thanh toán điện tử, dịch vụ hỗ trợ, an toàn và bảo mật.	3	
40	QLCD01	Chuyên đề thực tế	Sinh viên cần biết các kỹ năng thực tế về thu thập và phân tích dữ liệu phục vụ cho quản lý kinh tế hoặc phát triển kinh doanh	2	
2.2.2. Ngành tự chọn				6	
41	KTKD02	Hệ thống thông tin quản lý	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và toàn diện về hệ thống thông tin quản lý bao gồm: Khái niệm cơ bản về hệ thống thông tin quản lý, các thành phần cơ bản của hệ thống thông tin quản lý, phát triển hệ thống thông tin quản lý, quản lý nguồn lực hệ thống thông tin và các hệ thống thông tin quản lý trong doanh nghiệp.	3	
42	TCKH04	Kế toán tài chính	Học phần này cung cấp những kiến thức tổng hợp cũng như chi tiết về các phân hành kế toán theo chế độ kế toán hiện hành, với các nội dung cơ bản về Kế toán tài chính, Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu, Kế toán TSCĐ, Kế toán nguyên vật liệu công cụ dụng cụ, Kế toán tiền lương, Kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, Kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh, Kế toán đầu tư tài chính, Kế toán vốn chủ sở hữu và các khoản phải trả, Kế toán báo cáo tài chính.	3	
43	TCNH25	Thị trường chứng khoán	Sinh viên cần nắm được kiến thức về thị trường chứng khoán phi tập trung; nghiệp vụ thị trường chứng khoán; phân tích chứng khoán...	3	
44	KTKD07	Mạng máy tính và truyền thông số	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về mạng máy tính và truyền thông số. Nội dung môn học bao	3	

			hàm: tổng quan về mạng máy tính, các thiết bị mạng thông dụng và các loại môi trường truyền thông, các kiến thức về mạng LAN, quy trình thiết kế mạng LAN và việc quản trị mạng		
45	QTKS07	Khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo	Sinh viên cần nắm được các kiến thức, kỹ năng cần thiết để người học bắt đầu một công việc kinh doanh mới. Qua đó, học viên có thể tự mình khởi sự một hoạt động kinh doanh cụ thể.	3	
46	KTKD03	Thanh toán điện tử	Học phần này sẽ cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về các loại hình thanh toán điện tử, đặc biệt đi vào các loại hình thanh toán thông qua môi trường Internet bao gồm: Thanh toán thẻ, thanh toán bằng ví điện tử, thanh toán giá trị nhỏ (vi thanh toán), chuyển khoản điện tử, thanh toán bằng séc điện tử, thanh toán bằng xuất trình hóa đơn điện tử.	3	
47	TCPT08	Phân tích báo cáo tài chính	Sinh viên cần nắm được kiến thức và kỹ năng đọc hiểu và phân tích các chỉ tiêu chủ yếu về hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp thông qua bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh hay báo cáo lưu chuyển tiền tệ của doanh nghiệp.	3	
2.3. Kiến thức chuyên ngành				24	
2.3.1. Chuyên ngành bắt buộc				15	
47	KTKD04	Thiết kế website thương mại điện tử	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức căn bản về web tĩnh, web động, ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản HTML, ngôn ngữ kịch bản DHTML, ngôn ngữ lập trình web động PHP.	3	
48	QTDM01	Digital Marketing	Môn học Digital Marketing giới thiệu tầm quan trọng của Marketing trong thời đại số. Học phần tập trung vào phân tích hoạt động truyền thông Marketing với các công cụ truyền thông mới như: marketing qua công cụ tìm kiếm, marketing qua mạng xã hội, email marketing, mobile marketing...	3	
49	LUKT18	Luật thương mại	Nội dung môn học đi sâu vào những vấn đề về thương nhân, điều kiện đối với hàng hóa và dịch vụ trong kinh doanh thương mại, quy chế pháp lý đối với hoạt động mua bán hàng hóa, quy chế pháp lý đối với hoạt động cung ứng dịch vụ thương mại, giải quyết tranh chấp giữa các chủ thể phát sinh trong	3	

			kinh doanh, thương mại.		
50	TCCN01	Công nghệ tài chính	Học viên sẽ tiếp cận được ứng dụng của công nghệ trong hoạt động tài chính như thanh toán điện tử (e-payments), hợp đồng thông minh (smart contract). Ngoài ra, học viên cần nắm được tiền mã hóa, phục vụ cho các hoạt động thanh toán hiện nay.	3	
51	KTKD05	Chuyển đổi số	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về sự cần thiết và quá trình chuyển đổi số, đặc biệt là chuyển đổi số trong doanh nghiệp. Học phần giúp người học hiểu được cách xây dựng năng lực chuyển đổi số; biết cách xây dựng chiến lược đầu tư, huy động nguồn lực và duy trì động lực trong hành trình chuyển đổi số của doanh nghiệp.	3	
2.3.2. Chuyên ngành tự chọn				6	
52	KTKD07	An toàn và bảo mật thương mại điện tử	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về an toàn và bảo mật trong thương mại điện tử gồm: kiến thức tổng quan về thương mại điện tử và an toàn thông tin, các nguy cơ về gian lận và mất an toàn thông tin trong thương mại điện tử, các hình thức tấn công mạng trong thương mại điện tử, các giải pháp để đảm bảo an toàn và bảo mật trong thương mại điện tử.	3	
53	KTKD09	Khoa học quản lý	Trang bị cho sinh viên những nguyên lý chung, những hiểu biết cơ bản về khoa học quản lý, việc vận dụng quy luật trong quản lý, phương pháp, nguyên tắc quản lý một cách khoa học, kiến thức về cơ cấu tổ chức quản lý, thông tin quản lý, quyết định quản lý...	2	
54	KTKD10	Truyền thông đa phương tiện	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức tiếp cận quá trình giao tiếp giữa các đối tượng trong các môi trường đa phương tiện ứng dụng tích hợp âm thanh, hình ảnh, phim,... Đồng thời cung cấp sinh viên những hiểu biết và triển khai các ứng dụng đa phương tiện trên nền Internet, phục vụ đa dạng công tác truyền thông cho đơn vị mình đang công tác.	2	
55	QTNL03	Quản trị nguồn	Giới thiệu cho sinh viên khái niệm và vai trò của quản trị nhân lực trong tổ chức, các	2	

		nhân lực	triết lí quản lý , các hoạt động cơ bản của quản trị nhân lực, trách nhiệm của người liên quan trong quản trị nhân lực và các yếu tố ảnh hưởng đến quản trị nhân lực của tổ chức.		
56	QTTT11	Nghiên cứu thị trường	Người học cần hiểu và đo lường được các khía cạnh của thị trường như phân tích ngành, các đối thủ cạnh tranh, khách hàng, nhà cung cấp,...	2	
57	QTCU04	Quản trị chuỗi cung ứng	Sinh viên sẽ được học các chủ đề liên quan như: vai trò và tầm quan trọng của quản trị chuỗi cung ứng trong môi trường kinh doanh quốc tế, sự phát triển của công nghệ thông tin tác động như thế nào đến quản lý chuỗi cung ứng ngày nay.	3	
58	QTCL01	Quản trị chiến lược	Quản trị chiến lược là học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận và phương pháp xây dựng chiến lược, xác định đường đi nước bước cho các doanh nghiệp và các tổ chức trong điều kiện nền kinh tế chuyển đổi hiện nay.	3	
59	ĐTRR06	Quản trị rủi ro	Môn học này trình bày những nội dung cơ bản của quản trị rủi ro bao gồm: Nhận diện rủi ro; Phân loại và đo lường các loại rủi ro; Giám sát và phòng ngừa rủi ro, đặc biệt là rủi ro trong các định chế tài chính.	3	
60	KTKD06	Các mô hình kinh doanh số	Mô hình kinh doanh đóng vai trò trung gian, nếu thiết kế tốt sẽ kết nối được hai lĩnh vực đầu vào kĩ thuật và đầu ra kinh tế, có tác động nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Học phần này sẽ giới thiệu cho sinh viên các mô hình kinh doanh trong thời đại số như B2B, B2C, C2C.	3	
61	QTEO01	Quản trị tổ chức sự kiện	Môn học được thiết kế nhằm giúp sinh viên hiểu nắm vững và vận dụng một cách hiệu quả hoạt động sự kiện – một công cụ của PR trong môi trường hoạt động truyền thông nói chung và hoạt động PR nói riêng đang phát triển mạnh. Trong đó môn học tập trung vào việc cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cơ bản để ra quyết định tổ chức sự kiện, lên kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm soát sự kiện.		
2.4. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp				10	

62	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	Học phần giúp sinh viên tiếp cận với thực tiễn hoạt động kinh doanh trên nền tảng số cũng như việc quản trị vận hành hệ thống kinh doanh bởi các hệ thống phần mềm, công cụ; kết hợp kiến thức thực tiễn với kiến thức lý thuyết đã được trang bị trong 4 năm tại Học viện. Sinh viên năm 4 sẽ trực tiếp làm việc tại các đơn vị thực tập trong 8 tuần và đạt các yêu cầu trong quy chế đào tạo của Học viện.	4	
63	KLTN01	Khóa luận tốt nghiệp	Học phần dành cho sinh viên năm cuối, kết hợp kiến thức lý thuyết và thực tiễn trong quá trình học tập và làm việc tại cơ sở thực tập, hoàn thành một nhiệm vụ chuyên môn cụ thể, được thể hiện ở báo cáo Khóa luận tốt nghiệp. Khóa luận tốt nghiệp là một báo cáo thực tiễn độc lập, do sinh viên thực hiện dưới sự hướng dẫn của một hoặc một số giảng viên về lĩnh vực chuyên môn của chuyên ngành đào tạo. Sinh viên sẽ trình bày trước hội đồng và được chấm điểm độc lập giữa các thành viên.	6	
64	HPTN01	Phân tích dữ liệu Marketing	Học phần này sẽ cung cấp cho người học những kiến thức và nguyên tắc nền tảng để lượng hóa và đo lường các hoạt động marketing thông qua việc: xây dựng hệ thống phân tích dữ liệu marketing; bài toán dự báo thị trường và doanh thu; phân tích hoạt động marketing thông qua công cụ phi tài chính và công cụ tài chính.	3	
65	HPTN01	Quản trị và vận hành website thương mại điện tử	Trong học phần người học sẽ được đi sâu tìm hiểu cách thức quản trị cũng như vận hành website thương mại điện tử trên nền tảng công nghệ Wordpress. Học xong học phần này sinh viên sẽ được có khả năng triển khai vận hành và quản trị một website thương mại điện tử cho một tổ chức hay doanh nghiệp.	3	
TỔNG SỐ TÍN CHỈ (Không bao gồm GDTC & GDQP)				130	

3.4. Hoạt động hỗ trợ sinh viên

3.4.1. Hoạt động hỗ trợ của cố vấn học tập

- Tư vấn cho sinh viên về chương trình học tập: mục tiêu, nội dung...và cách lựa chọn các học phần cho phù hợp;

- Tư vấn cho sinh viên đăng ký các học phần của từng học kỳ, điều chỉnh kế hoạch học cá nhân phù hợp với tiến độ mục tiêu (học đúng tiến độ, học nhanh hay

chậm), tư vấn kế hoạch cụ thể của từng học kỳ cho phù hợp với yêu cầu của chuyên ngành đào tạo, vừa phù hợp với năng lực, sở thích, điều kiện sinh hoạt, hoàn cảnh kinh tế của sinh viên;

- Tư vấn cho sinh viên sử dụng các tính năng phần mềm quản lý đào tạo để đăng ký lịch học, hủy lịch, theo dõi kết quả học tập, thông tin cá nhân để có những đề xuất điều chỉnh cho phù hợp;

- Tư vấn và hướng dẫn cho sinh viên về phương pháp học tập và nghiên cứu khoa học, hướng dẫn, khuyến khích, tạo điều kiện cho sinh viên tham gia các hoạt động học tập và nghiên cứu khoa học, hướng dẫn sinh viên giải quyết những vướng mắc, khó khăn trong quá trình học tập;

- Thường xuyên theo dõi kết quả học tập của sinh viên; nhắc nhở sinh viên khi thấy kết quả học tập của họ giảm sút; phối hợp với Phòng Chính trị và Công tác sinh viên thông báo cho gia đình của sinh viên thuộc diện cảnh báo và buộc thôi học;

- Thảo luận và hướng dẫn sinh viên cách chọn đề học thành công song song hai chương trình, học cải thiện, cách tính điểm học tập và rèn luyện;

- Kiểm tra, ký chấp nhận hoặc từ chối vào Đơn thay đổi, hủy hoặc đăng ký học thêm, học cải thiện học phần của sinh viên;

- Khi có yêu cầu thì kiểm tra, xác minh và ký xác nhận vào đơn xin thôi học, bảo lưu của sinh viên;

- Phối hợp và hỗ trợ các Khoa chuyên ngành, các phòng chức năng các tổ chức của Học viện trong việc tổ chức các phong trào, các hoạt động ngoại khóa và tham gia các hoạt động đoàn thể, hoạt động xã hội khác của sinh viên;

- Phối hợp với Khoa chuyên ngành, Ban cán sự lớp và các tổ chức Đoàn, Hội sinh viên để theo dõi đánh giá toàn diện về học tập và rèn luyện của sinh viên; nhận xét và tham gia cho điểm rèn luyện theo quy định về đánh giá, xếp loại sinh viên; xét khen thưởng, kỷ luật sinh viên...;

- Các công việc khác theo yêu cầu của Học viện và khoa chuyên ngành.

3.4.2. Các hoạt động ngoại khóa, phát triển kỹ năng mềm, định hướng nghề nghiệp

Khoa Kinh tế số luôn chú trọng tổ chức các chương trình định hướng nghề nghiệp cho sinh viên như: Tổ chức cho sinh viên tham gia các câu lạc bộ như: CLB công nghệ thông tin và truyền thông; CLB nhảy; CLB nhạc cụ; Tổ chức các chuyến đi thực tế tham quan mô hình hoạt động của các doanh nghiệp, tham gia kiến tập ở doanh nghiệp vào năm 2 và 3; Tổ chức cuộc thi Olympic Toán học, cuộc thi Vô địch tin học văn phòng thường niên, chương trình truyền thông đa phương tiện,... nhằm truyền cảm hứng và giúp sinh viên định hướng nghề nghiệp trong tương lai. Bên cạnh đó, Khoa rất chú trọng các hoạt động cọ sát thực tế với sinh viên ngành Kinh tế số, chẳng hạn tham gia các cuộc thi khởi nghiệp của các trường đại học trên địa bàn Hà Nội (Học viện Tài chính, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Trường đại học Ngoại

thương,...), qua đó cũng góp phần quảng bá thương hiệu của Khoa nói riêng và Học viện Chính sách và Phát triển nói chung.

Ngoài các học bổng của Học viện như học bổng khuyến khích học tập, học bổng chính sách, học bổng KOCHARM, học bổng BIDV, Khoa còn chủ động thu hút nhiều học bổng nhằm giúp sinh viên theo đuổi định hướng nghề nghiệp chuyên sâu trong lĩnh vực kinh tế số, phát triển kỹ năng lập kế hoạch cho nghề nghiệp tương lai, tăng khả năng thích ứng nhanh với biến động của môi trường kinh doanh.

Đồng thời, Khoa Kinh tế số còn đẩy mạnh các buổi nói chuyện với chuyên gia cho các sinh viên khi học chuyên ngành nhằm bổ sung thêm các kiến thức, kinh nghiệm thực tế liên quan đến lĩnh vực kinh tế và kinh doanh số. Ví dụ như: Chuyên đề về phân tích dữ liệu kinh doanh, Marketing trên nền tảng số nhằm truyền thông thương hiệu doanh nghiệp nhanh và hiệu quả nhất, Chuyên đề lập trình Python cho phân tích dữ liệu,...

3.4.3. Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên

Hàng năm, sinh viên khoa Kinh tế số luôn được khuyến khích tham gia nghiên cứu khoa học. Lãnh đạo định hướng mỗi năm có từ 8 đến 10 nhóm sinh viên tham gia NCKH, lựa chọn các chủ đề nghiên cứu mới, phù hợp với thế mạnh nghiên cứu của giảng viên. Hội nghị NCKH sinh viên hàng năm đều được tổ chức với hệ thống các tiêu chí rõ ràng nhằm đánh giá công bằng và khách quan chất lượng các công trình NCKH. Khoa kinh tế số xây dựng kế hoạch hoạt động NCKH của sinh viên, bao gồm các nội dung:

- Xác định danh mục đề tài NCKH của sinh viên và triển khai thực hiện đề tài theo quy định chung của Bộ GD&ĐT;
- Tổ chức hội nghị NCKH của sinh viên và các hình thức hoạt động khoa học và công nghệ khác của sinh viên;
- Tổ chức các cuộc thi chọn đội tuyển đi thi cấp Quốc gia.

PHẦN 4. MA TRẬN LIÊN KẾT

4.1. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Ký hiệu CĐR	CĐR của chương trình đào tạo	Mục tiêu của chương trình đào tạo				
		G1	G2	G3	G4	G5
CĐR1	Nắm vững những kiến thức cơ bản, nền tảng về thế giới quan và phương pháp luận khoa học. Hiểu, phân tích, đánh giá và ứng dụng tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác – Lê nin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.	X				X
CĐR2	Hiểu về thể chế Nhà nước; quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc tổ chức thực hiện chính sách kinh tế xã hội.					X
CĐR3	Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu.	X				
CĐR4	Hiểu các quy luật của kinh tế thị trường, vận dụng lý thuyết kinh tế vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.	X	X			
CĐR5	Có sự am hiểu về dữ liệu và quản trị dữ liệu trong các tổ chức và doanh nghiệp. Thành thạo một số công cụ BI cho phân tích trực quan hóa dữ liệu của các tổ chức và doanh nghiệp.	X	X		X	
CĐR6	Có sự hiểu biết về các nghiệp vụ liên quan đến kinh tế và kinh doanh trong môi trường toàn cầu hóa và các nền tảng công nghệ hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh trong bối cảnh của cuộc cách mạng công	X	X		X	

	ngành 4.0					
CĐR7	Có tư duy lập trình và sử dụng tốt các công cụ để có thể thiết kế, vận hành, quản trị và tư vấn về website thương mại điện tử.		X	X		
CĐR8	Có sự hiểu biết về các mô hình kinh doanh số, hệ sinh thái kinh tế số để tư vấn, triển khai chuyển đổi số nhằm tối ưu hóa các hoạt động của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.	X			X	
CĐR9	Hiểu rõ về pháp luật kinh doanh; biết cách ứng dụng công nghệ để thúc đẩy các hoạt động bán hàng và marketing của doanh nghiệp trong môi trường số.	X	X			
CĐR10	Có tư duy linh hoạt, nhạy cảm và sáng tạo trong các giải pháp để xây dựng, tư vấn thực hiện chiến lược, kế hoạch kinh doanh của tổ chức và doanh nghiệp;		X		X	
CĐR11	Biết chụp ảnh, biên tập nội dung, quản trị fanpage để tổ chức sự kiện truyền thông cho các tổ chức và doanh nghiệp.	X		X		
CĐR12	Có khả năng sử dụng tiếng Anh một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề ở môi trường trong nước và quốc tế.			X	X	
CĐR13	Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình trước đám đông để tổ chức và điều hành công việc.				X	
CĐR14	Có phẩm chất chính trị; sức khỏe tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp.					X
CĐR15	Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Chủ động và tự giác thực thi nhiệm vụ được giao				X	X

	phó; tinh thần tự chịu trách nhiệm; trung thực; thái độ hợp tác; sẵn sàng giúp đỡ các thành viên trong tập thể, đơn vị.					
CĐR16	Có năng lực dẫn dắt chuyên môn, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao; có khả năng đưa ra được kết luận về lĩnh vực kinh tế kinh doanh số ở mức độ căn bản và một số vấn đề mức độ chuyên sâu; đủ năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo của một tổ chức.		X			X

4.2. Ma trận đóng góp của học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Mã số học phần	Tên học phần	Chuẩn đầu ra															
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG																		
1	THML04	Triết học Mác - Lênin	2	2													X	X
2	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2														X	
3	THKT05	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2		3											X	
4	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2														X	X
5	THLS07	Lịch sử ĐCS Việt Nam	2														X	
6	PPNC09	Phương pháp nghiên cứu khoa học			3							X		X	X			
7	LUĐC01	Pháp luật đại cương		3							2						X	
8	TOĐC06	Tin học đại cương			3				2									
9	NNCS02	Tiếng Anh cơ bản 2												X	X			
10	NNCS03	Tiếng Anh cơ bản 3												X	X			
11	NNCS04	Tiếng Anh cơ bản 4												X	X			
12	KHMI01	Kinh tế vi mô 1			2	3											X	
13	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1			2	3											X	
14	TOCC01	Toán cao cấp			2												X	
15	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán			3												X	
16	NNCS01	Tiếng Anh cơ bản 1*												X				
17	GDQP02	Giáo dục quốc phòng*																X
18	GDTC01	Giáo dục thể chất 1*																X
19	GDTC02	Giáo dục thể chất 2*																X
20	GDTC03	Giáo dục thể chất 3*																X

21	QTKN01	Phát triển kỹ năng*											x		x			
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP																		
2.1. Kiến thức cơ sở ngành																		
2.1.1. Cơ sở ngành bắt buộc																		
21	KTKD01	Lập trình căn bản		2				3						x	x			
22	TOKT05	Kinh tế lượng		3	2										x			
23	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ		3	3										x			
24	CSCS11	Chính sách công	4							2								
25	TODL01	Dữ liệu lớn trong KT&KD				4		2	3						x			
26	KTKD03	Lý thuyết Kinh tế số					3		3					x	x			
27	KHMA04	Marketing căn bản		2	4		3					x			x			
2.1.2. Cơ sở ngành tự chọn																		
28	TCKT01	Nguyên lý kế toán		2	4										x			
29	QTHO06	Quản trị học			3							x					x	x
30	QTCC01	Quan hệ công chúng			3										x		x	x
31	KHĐT05	Kinh tế đầu tư			3		2											
32	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế		2	4													
33	ĐNTM08	Thương mại quốc tế			4		3					x		x	x			
34	ĐNQT09	Kinh tế quốc tế			4		3							x	x			
2.2. Kiến thức ngành																		
2.2.1. Ngành bắt buộc																		
35	LUKT01	Pháp luật kinh tế	2		3					3							x	
36	QTMA09	Quản trị Marketing			4		3			3				x	x			
37	PTDL04	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu				3		3							x			
38	TCDN03	Tài chính doanh nghiệp		2	4		2								x			

39	QTKD14	Thương mại điện tử					3		3	2					x			
40	QLCD01	Chuyên đề thực tế								3	4	x		x	x			x
2.2.2. Ngành tự chọn																		
41	TCKH04	Kế toán tài chính		2	4		2								x			
42	TCPT08	Phân tích báo cáo tài chính		2	4		2								x			
43	TCCK25	Thị trường chứng khoán		2	3		2								x			
44	QTKS07	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo		2	4		2					x		x	x			
45	KTKD02	Hệ thống thông tin quản lý					2	2	2	2								
46	KTKD07	Mạng máy tính và truyền thông số					2	2	2	2	3							
47	KTKD09	Thanh toán điện tử		3	3						3			x	x			
2.3. Kiến thức chuyên ngành																		
2.3.1. Chuyên ngành bắt buộc																		
48	KTKD04	Thiết kế website thương mại điện tử							4				x	x	x			x
49	KTKD05	Chuyển đổi số								4		x		x	x			x
50	QTDM01	Digital Marketing					4				4			x	x			x
51	LUKT18	Luật thương mại			3						4	x					x	x
52	KTKD06	Các mô hình kinh doanh số					3			5				x	x			x
2.3.2. Chuyên ngành tự chọn																		
53	KTKD11	Khoa học quản lý			2									x				x
54	KTKD12	Truyền thông đa phương tiện							4	2			x		x			
55	QTNL03	Quản trị nguồn nhân lực																
56	QTTT11	Nghiên cứu thị trường		3	3										x			
57	QTEO01	Quản trị tổ chức sự kiện										x	x		x			
58	QTCU04	Quản trị chuỗi cung ứng						3		2	2							

59	ĐTRR06	Quản trị rủi ro			2	2					3			x	x			
60	KTKD07	An toàn và bảo mật thương mại điện tử							4		2			x	x		x	x
61	TCCN01	Công nghệ tài chính (Fintech)						2		4				x	x			x
2.4. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp																		
62	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp				4			4	4	4	x		x	x	x	x	x
63	KLTN01	Khóa luận tốt nghiệp (với các sinh viên đủ điều kiện)				4			6	6	4	x		x	x	x	x	x
64	HPTN01	Phân tích dữ liệu Marketing			3	3				3	5	x		x	x	x	x	x
65	HPTN02	Quản trị và vận hành website thương mại điện tử				3			6	3	3	x		x	x	x	x	x

Ghi chú: Các mức độ của thang Bloom

(1) Nhớ

(2) Hiểu

(3) Vận dụng

(4) Phân tích

(5) Đánh giá

(6) Sáng tạo

PHẦN 5: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1.1. Thời gian đào tạo

Học viện tổ chức đào tạo theo khoá học, năm học và học kỳ.

a) Khoá học là thời gian để sinh viên hoàn thành một chương trình đào tạo cho một chuyên ngành cụ thể. Thời gian đào tạo thiết kế cho một khóa học bậc đại học chính quy ở Học viện Chính sách và Phát triển là từ 3,5 năm đến 4 năm.

b) Một năm học có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 18 tuần thực học (chia làm 02 đợt học, mỗi đợt học 09 tuần). Ngoài 2 học kỳ chính, Giám đốc Học viện xem xét quyết định tổ chức thêm một học kỳ phụ để sinh viên có điều kiện được học lại; học bù hoặc học vượt. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 4 tuần thực học.

c) Thời gian tối đa hoàn thành chương trình đào tạo: Thời gian tối đa cho mỗi chương trình đào tạo trình độ đại học tại Học viện là 8 năm.

5.1.2. Cách thức thực hiện

Đầu khóa học, Học viện thông báo đến sinh viên nội dung và kế hoạch học tập của các chương trình, quy chế đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên.

a) Phòng Quản lý Đào tạo: Phổ biến các quy định, quy chế về đào tạo, chương trình đào tạo của tất cả các chuyên ngành trong toàn Học viện (qua đợt sinh hoạt chính trị đầu khóa và qua cổng thông tin đào tạo của Học viện). Đầu mỗi học kỳ thông báo kế hoạch giảng dạy và số học phần sinh viên được đăng ký, số tín chỉ cần tích lũy tối thiểu.

b) Phòng Chính trị và Công tác sinh viên thông báo các quy định về quyền lợi và nghĩa vụ của sinh viên: Chế độ chính sách (học phí, học bổng), khen thưởng, kỷ luật, các chế độ khác trong công tác quản lý sinh viên trong đợt sinh hoạt chính trị đầu khóa.

c) Các Khoa/Bộ môn có chuyên ngành đào tạo

- ❖ Các Khoa chuyên ngành thông báo đến sinh viên chương trình, kế hoạch đào tạo toàn khóa học (thông qua cố vấn học tập).

- ❖ Đầu mỗi học kỳ thông báo kế hoạch giảng dạy và số học phần sinh viên được đăng ký, số tín chỉ cần tích lũy tối thiểu.

d) Giảng viên giảng dạy trực tiếp thông báo kế hoạch học tập của các học phần trong đề cương chi tiết học phần (đã được ban hành cùng với chương trình đào tạo) được phê duyệt.

5.1.3. Điều kiện tốt nghiệp

Điều kiện tốt nghiệp được quy định là:

(i) Trong thời gian học tập tối đa của khóa học;

(ii) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không đang trong thời gian truy cứu trách nhiệm hình sự;

- (iii) Tích lũy đủ số tín chỉ quy định trong CTĐT;
- (iv) Điểm trung bình chung tích lũy của khóa học đạt từ 2.0 trở lên (theo thang điểm 4);
- (v) Đạt trình độ tiếng Anh trình độ B1 – Khung châu Âu hoặc tương đương theo quy định của Học viện;
- (vi) Có chứng chỉ Tin học quốc tế IC3 hoặc MOS theo quy định;
- (vii) Được đánh giá đạt các học phần Giáo dục quốc phòng an ninh, Giáo dục thể chất.

5.2. Cách thức đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của sinh viên chuyên ngành phân tích dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí như sau:

- Số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).
- Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.
- Khối lượng kiến thức tích lũy là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá theo thang điểm chữ A, B, C, D tính từ đầu khóa học.
- Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các học phần và được đánh giá bằng các điểm chữ A, B, C, D mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ.

Đối với từng học phần trong CTĐT thì được đánh giá theo tiêu chí như sau:

STT	Hình thức	Tỷ trọng	Tiêu chí đánh giá
1	Điểm chuyên cần	20%	- Tích cực trên lớp (10%) - Đi học đầy đủ (10%)
2	Kiểm tra giữa kỳ	20%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (10%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (10%)
3	Thi kết thúc học phần	60%	- Đáp ứng yêu cầu kiến thức (45%) - Đáp ứng yêu cầu kỹ năng (15%)

5.3. Phương pháp dạy - học

- Dựa trên triết lý đào tạo lấy người học làm trung tâm, các phương pháp dạy - học và phương pháp đánh giá học phần được thiết kế nhằm thúc đẩy ham muốn học tập và phát huy tính chủ động, sáng tạo của sinh viên.

- Chương trình đào tạo hướng tới việc đáp ứng nhu cầu sinh viên, do đó việc lựa chọn nội dung các học phần, phương pháp giảng dạy phù hợp với từng đối tượng sinh viên được quan tâm. Sinh viên năm thứ nhất được tiếp cận các học phần nguyên lý cơ

bản và phương pháp giảng dạy chủ đạo là thuyết trình để giúp sinh viên dễ dàng tiếp thu được kiến thức mới. Các học phần với khối kiến thức chuyên sâu được đào tạo cho sinh viên năm thứ ba và thứ tư, áp dụng kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy yêu cầu năng lực tự học, tự tìm tài liệu, phân tích, tổng hợp, giải quyết tình huống phức tạp, khuyến khích sinh viên thuyết trình, phản biện...

- Điểm chuyên cần của sinh viên được tính theo quy định chung của Học viện và được thông báo rõ cho sinh viên từ khi bắt đầu môn học. Một số học phần chuyên ngành đã thiết kế hệ thống bài tập tình huống giúp sinh viên vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã học vào giải quyết các tình huống phức tạp trong thực tế. Đồng thời, thông qua việc chuẩn bị bài tập nhóm và phối hợp thuyết trình trên lớp, sinh viên phát huy tính chủ động nghiên cứu tài liệu và tích cực thảo luận các luận điểm với các bạn trong nhóm, từ đó phát triển năng lực khám phá tri thức, khả năng làm việc nhóm, năng lực thuyết trình và tư duy phản biện.

Bản hướng dẫn thực hiện chiến lược dạy và học cho CTĐT chuẩn trình độ đại học ngành Kinh tế số, chuyên ngành kinh tế và kinh doanh số được thiết kế nhằm giúp người học đạt được các mục tiêu theo chuẩn đầu ra đã tuyên bố, được tóm tắt như sau:

Năm học	CHUẨN ĐẦU RA			Gợi ý cách thực hiện
	Kiến thức	Kỹ năng	Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
Năm thứ nhất	Các môn học thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Trang bị cho sinh viên khả năng lập luận, tư duy theo hệ thống, kỹ năng quản lí công việc và thời gian. ▪ Sinh viên có thể nhận thức được các chính sách, chủ trương của Nhà nước liên quan đến kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục quốc phòng an ninh. ▪ Sinh viên có thể dùng thành thạo tin học văn phòng và giao tiếp tốt bằng Tiếng Anh. 	Sinh viên được định hướng theo các chuẩn mực đạo đức, hướng tới các phẩm chất nghề nghiệp như: Tôn trọng pháp luật, làm việc với tinh thần kỷ luật cao, trung thực, có lối sống tích cực, và có tinh thần hướng về cộng đồng.	<p>Phương pháp giảng dạy của GV:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Thuyết trình ▪ Thảo luận nhóm ▪ Bài tập tình huống (Case study) <p>Phương pháp học tập của SV</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Đọc trước học liệu và chuẩn bị các câu hỏi ▪ Chủ động nghe giảng, ghi chép có chọn lọc ▪ Tham gia đối thoại với giáo viên, tranh luận với bạn ▪ Chủ động bố trí kế hoạch tự học <p>Điều kiện dạy và học:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu cho sinh viên ▪ Đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị, phần mềm hỗ trợ việc dạy và học
Năm thứ 2	Các môn học thuộc khối kiến thức ngành, cơ sở ngành	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Trang bị cho sinh viên kỹ năng phân tích định tính, định lượng, xác định vấn đề ưu tiên; tư duy phân tích đa chiều. ▪ Sinh viên được trang bị các kỹ năng phối hợp làm việc trong các nhóm khác nhau; kỹ năng thuyết trình; đề xuất ý tưởng; giao 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Có khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức liên quan đến ngành học ▪ Có thể làm việc hiệu quả trong môi trường quốc tế. ▪ Có khả năng làm việc độc lập và chủ động trong công việc 	<p>Phương pháp giảng dạy của GV:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Thuyết trình, hình thành cách tư duy, tổng hợp và phân tích vấn đề thông qua quá trình học tập trên lớp và tự học. ▪ Thảo luận nhóm ▪ Bài tập tình huống (Case study) <p>Phương pháp học tập của SV</p>

		<p>tiếp qua email và các phương tiện truyền thông.</p>	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Đọc trước học liệu và chuẩn bị các câu hỏi của môn học ▪ Chủ động nghe giảng, ghi chép có chọn lọc ▪ Tham gia đối thoại với giáo viên, tranh luận với bạn ▪ Chủ động bố trí kế hoạch tự học ▪ Chủ động tìm đọc các nguồn tài liệu tham khảo khác nhau; quan sát, khảo sát thu thập thông tin liên quan đến doanh nghiệp đến thực tế/thực tập liên quan đến môn học/đề tài nghiên cứu theo sự hướng dẫn của giảng viên. <p>Điều kiện dạy và học:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu cho sinh viên ▪ Đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị, phần mềm hỗ trợ việc dạy và học ▪ Tổ chức các chuyến thực tế theo nhu cầu môn học, thực tập tại doanh nghiệp cho sinh viên. ▪ Sinh viên được tạo điều kiện tham gia các chương trình học trao đổi với các trường có hợp tác NCKH và giảng dạy với các điều kiện: tiếng Anh B1, có điểm trung bình từ 2.5 trở lên và đáp yêu cầu của trường đối tác, tích cực tham gia các hoạt động ngoại khóa.
--	--	--	--

<p>Năm thứ 3 và năm thứ 4</p>	<p>Các môn học thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành</p>	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Áp dụng các kiến thức cơ bản để phân tích, đánh giá môi trường kinh doanh, biết cách sử dụng công cụ trên nền tảng số để giải quyết các vấn đề trong kinh tế và kinh doanh, nắm bắt được xu hướng chuyển đổi số của các tổ chức và doanh nghiệp. Vận hành và khai thác các công cụ trên nền tảng web để phát triển kinh doanh nhằm nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp, phát triển, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo. ▪ Sinh viên có tư duy nghiên cứu độc lập; có năng lực tự học bổ sung kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn thích nghi với sự thay đổi của môi trường làm việc. ▪ Có thể làm việc trong các tổ chức và doanh nghiệp. 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Có khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức liên quan đến lĩnh vực kinh tế số, đặc biệt là trong hoạt động thương mại điện tử, phát triển các mô hình kinh doanh số của doanh nghiệp. ▪ Phát triển năng lực tự học, tìm kiếm và xử lý thông tin đa chiều, quản lý thời gian cá nhân, phong cách làm việc chuyên nghiệp. ▪ Có khả năng làm việc độc lập và chủ động trong công việc. ▪ Có khát vọng trở thành nhà lãnh đạo, chuyên gia cao cấp trong lĩnh vực Kinh doanh số. 	<p>Phương pháp giảng dạy của GV:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Thuyết trình, đề xuất ý tưởng qua các câu vấn đáp khi giảng hoặc các bài tập trắc nghiệm liên quan. ▪ Thảo luận nhóm, đóng vai các nhân vật để xử lý các tình huống trong kinh tế và kinh doanh. ▪ Bài tập tình huống, bài tập lớn, tiểu luận, phương pháp học tập theo dự án,... <p>Phương pháp học tập của SV</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Đọc trước học liệu và chuẩn bị các câu hỏi của môn học ▪ Chủ động nghe giảng, ghi chép có chọn lọc ▪ Tham gia đối thoại với giáo viên, tranh luận với bạn ▪ Chủ động bố trí kế hoạch tự học ▪ Chủ động tìm đọc các nguồn tài liệu tham khảo khác nhau; quan sát, thu thập thông tin liên quan đến doanh nghiệp, liên quan đến môn học/đề tài nghiên cứu theo sự hướng dẫn của giảng viên. ▪ Thực tập thực tế. <p>Điều kiện dạy và học:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu cho sinh viên ▪ Đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị, phần
---------------------------------------	---	---	---	--

				<p>mềm hỗ trợ việc dạy và học</p> <ul style="list-style-type: none">▪ Tổ chức các chuyến thực tế theo nhu cầu môn học, thực tập tại doanh nghiệp cho sinh viên.▪ Tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề thực tiễn do các chuyên gia thực tiễn đảm nhiệm nhằm tăng kiến thức thực tiễn, kết hợp giữa đào tạo với thực tế.
--	--	--	--	--